

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3914 2929 Fax: (08) 3914 3435
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Huỳnh Văn Tốt**
- Địa chỉ thường trú: 26 Yersin, phường Vạn Thắng, Tp.Nha Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại di động: 0983 377 072
- Điện thoại cơ quan: (08) 3914 2929 -Ext: 919
- Fax: (08) 3914 3435
- Loại thông tin công bố:
 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty CPOCK BETA Công bố thông tin về Báo cáo thường niên 2015 của công ty.

3. Thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/04/2016 tại đường dẫn <http://www.bsi.com.vn/InvestorRelations.aspx> hoặc Quý Cơ quan đăng nhập vào trang web www.bsi.com.vn vào mục Quan hệ nhà đầu tư/Thông tin Tài chính/Năm 2015/Báo cáo thường niên 2015.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện theo pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Tốt



2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



KINH DOANH CHỨNG KHOÁN// chìa khóa để tạo ra giá trị lâu dài cho bất kỳ doanh nghiệp, là phải luôn luôn sáng tạo. Để đáp ứng linh hoạt tất cả các nhu cầu của quý vị, BSI luôn xác định xu hướng mới xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông. Trong báo cáo thường niên, quý vị sẽ khám phá ra sự đổi mới mà chúng tôi đang xây dựng để đạt được tiến bộ cụ thể trong lĩnh vực quản lý kinh doanh chứng khoán...

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 2013 | 2014 | Đơn vị tính: đồng Việt Nam 2015 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|------------------------------------|
| Tổng tài sản | 836.651.500.295 | 493.570.103.630 | 428.016.881.837 |
| Vốn điều lệ | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 |
| Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu) | 40.000.000 | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Vốn chủ sở hữu | 386.655.097.206 | 372.040.384.099 | 380.638.212.710 |

KẾT QUẢ KINH DOANH

| | 2013 | 2014 | Đơn vị tính: đồng Việt Nam 2015 |
|---|-----------------|-----------------|------------------------------------|
| Doanh thu thuần | 139.894.426.189 | 26.815.669.075 | 63.652.462.389 |
| Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 2.447.963.709 | 999.212.147 | 23.081.546.417 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -25.346.113.012 | -13.768.299.846 | 8.076.118.087 |
| Lợi nhuận trước thuế | -26.292.042.497 | -13.954.042.107 | |

CHỈ TIÊU KHÁC

| | 2013 | 2014 | Đơn vị tính: % 2015 |
|--------------------------------|-------|-------|------------------------|
| Cơ cấu tài sản (%) | | | |
| Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | 81.22 | 74.09 | 78.05 |
| Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | 18.78 | 25.91 | 21.95 |
| Cơ cấu nguồn vốn (%) | | | |
| Nợ phải trả/ Tổng tài sản | 53.79 | 24.62 | 11.07 |
| Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản | 46.21 | 75.38 | 88.93 |

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN

| | 2013 | 2014 | Đơn vị tính: % 2015 |
|-------------------------------------|--------|--------|------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | -18.79 | -52.04 | 13.51 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | -3.14 | -2.83 | 2.01 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ | -6.57 | -3.49 | 2.15 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | -6.80 | -3.75 | 2.26 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Triển khai hoạt động tại Việt Nam từ năm 2007 và kể từ đó BSI luôn đạt được sự gia tăng về khối lượng giao dịch hàng năm. Tại BSI, chúng tôi cùng nhau xây dựng để trở thành một thương hiệu chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. BSI cam kết cung cấp cho khách hàng các dịch vụ hoàn hảo, sản phẩm chất lượng đa dạng và chuyên biệt, có độ tin cậy cao dựa trên một nền tảng đội ngũ chuyên viên am hiểu về tài chính và giàu kinh nghiệm. “Vững tin vào đầu tư” là sức mạnh, thông điệp và cam kết hoạt động của BSI. Chúng tôi hiểu rằng sự thành công của khách hàng chính là sự thành công của BSI.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

MỤC LỤC

| | |
|----|-------------------------------------|
| 5 | Thông điệp của Chủ tịch HĐQT |
| 6 | Tổng quan về công ty |
| 12 | Cột mốc phát triển |
| 16 | Môi trường kinh doanh 2015 |
| 26 | Dự báo xu hướng phát triển năm 2016 |
| 28 | Kết quả hoạt động năm 2015 của BSI |
| 32 | Tổng quan dịch vụ |
| 38 | Tình hình nhân sự |
| 40 | Định hướng phát triển 2016 |
| 41 | Một số chỉ tiêu tài chính 2015 |
| 42 | Sơ đồ tổ chức |
| 44 | Hội đồng quản trị |
| 46 | Ban Kiểm soát |
| 47 | Ban Tổng Giám đốc |
| 50 | Báo cáo tài chính 2015 |



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác thân mến,

Lời đầu tiên, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) xin trân trọng tri ân Quý vị đã đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.
Thưa Quý Cổ đông,

Năm 2015 kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong hệ thống ngân hàng, khu vực doanh nghiệp, thị trường chứng khoán và bất động sản. Mặt khác, các vấn đề còn tồn đọng, bất ổn chưa được giải quyết triệt để trong nhiều năm qua tiếp tục là gánh nặng cho nền kinh tế - xã hội của đất nước. Đứng trước bối cảnh này, BSI phải chịu nhiều áp lực trong việc bám sát diễn biến của thị trường, duy trì các chỉ tiêu an toàn tài chính, chủ động bảo toàn nguồn vốn. Song đây cũng là động lực để BSI nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng đổi mới để hoạt động hiệu quả hơn. Nhờ vào những nỗ lực này, BSI đã đạt được những thành công nhất định trong việc phát triển kinh doanh một cách bền vững và hiệu quả.

Năm 2016 sắp đến được đánh giá là một năm khởi sắc cho

nền kinh tế Việt Nam với những nỗ lực của Chính phủ về cải cách môi trường kinh doanh, xúc tiến thương mại - đầu tư. Đứng trước cơ hội này, BSI xác định các mục tiêu trọng tâm như sau:

Một là, tập trung tái cơ cấu toàn diện các mặt trong hoạt động kinh doanh, chủ động kiểm soát rủi ro nhằm duy trì chất lượng và tăng trưởng bền vững.

Hai là, tích cực triển khai các chương trình thu hút nhà đầu tư đồng thời chủ động nắm bắt các cơ hội của thị trường, phân tích và đề xuất chiến lược đầu tư khi có điều kiện.

Ba là, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, chất lượng cao.

Từ những kết quả đạt được trong năm 2015 và các kế hoạch, chỉ tiêu trong năm 2016, chúng tôi tin rằng Quý vị sẽ luôn đồng hành cùng BSI trên con đường vươn đến những đỉnh cao thành công. Một lần nữa, BSI chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ và gắn bó của Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác trong suốt thời gian qua.

Xin trân trọng cảm ơn.



NGUYỄN VĂN CỰU
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán. Hiện nay, BSI đang cung cấp các nghiệp vụ và dịch vụ trọn gói sau:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Xác định giá trị doanh nghiệp

THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)
Hội sở: Tầng 4 & 5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 2929 - (84-8) 7308 9998
Fax: (84-8) 3914 3435
Email: support@bsi.com.vn
Website: www.bsi.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập vào ngày 06/12/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Hiện nay, BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

Mục tiêu của chúng tôi là luôn đồng hành với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự phát triển và tạo thêm các giá trị gia tăng cho khách hàng.

VISION, MISSION & VALUE

TÂM NHÌN

Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

SỨ MỆNH

BSI xác định nguồn nhân lực làm nòng cốt, tạo dựng đội ngũ CBNV làm việc chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.

BSI chú trọng tạo lập, duy trì sự tin cậy, hài lòng của khách hàng, đối tác và đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông.

BSI hoạt động hướng đến lợi ích chung của xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MINH BẠCH: BSI hoạt động theo tiêu chí minh bạch và trung thực.

SÁNG TẠO: BSI xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

TIN CẬY: nền tảng kinh doanh của BSI là tạo dựng uy tín với khách hàng, đối tác và cổ đông.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

Thế mạnh của BSI là sự kết hợp giữa đội ngũ nhân sự chất lượng cao, lợi thế về công nghệ hiện đại, năng lực tài chính mạnh và được định hướng bằng chiến lược phát triển bền vững.

BSI hội tụ đội ngũ nhân sự có tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp:

Hệ thống nhân sự của BSI có chất lượng cao, bao gồm 20 cán bộ quản lý có trình độ đại học và sau đại học. Đội ngũ chuyên viên được đào tạo chuyên sâu về chứng khoán, tài chính và ngân hàng ở trong và ngoài nước; am tường trong lĩnh vực tài chính; nhiều năm kinh nghiệm làm việc cho các công ty tài chính, quỹ đầu tư và công ty chứng khoán; không ngừng cập nhật kỹ năng chuyên môn, năng lực nghiên cứu và được dẫn dắt bởi ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược.

Công nghệ hiện đại:

BSI có hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng đầy đủ và trụ sở được đặt tại trung tâm tài chính. BSI được đánh giá là một trong những công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhất trong các công ty chứng khoán trong nước. Hiện nay, BSI đang áp dụng phần mềm giao dịch chứng khoán chuyên nghiệp của công ty Tong Yang Securities và TY Systems (Hàn Quốc). Đây là phần mềm tiên phong về giao dịch trực tuyến, giao dịch di động và nhiều tiện ích giao dịch tiên tiến khác thông qua những phương thức giao dịch: B-Pro, B-Web và B-Mobile với những ưu điểm nổi bật như:

- Bảo mật cao, giao diện thân thiện, ổn định, nhiều tùy biến cá nhân hóa cho nhà đầu tư và được hỗ trợ bằng 03 ngôn ngữ: Tiếng Việt, Tiếng Anh và Tiếng Hàn Quốc.
- Khả năng xử lý 50.000 lệnh tại cùng một thời điểm. Thời gian nhập lệnh nhanh hơn đến 10 lần và thời gian trả kết quả rút ngắn xuống dưới 0,5 giây/lệnh so với 2 - 3 giây/lệnh thông thường.
- Nhà đầu tư có thể theo dõi toàn bộ thông tin giao dịch,

biến động giá cổ phiếu, thông tin thị trường, đồ thị phân tích kỹ thuật hiện đại trên một màn hình tích hợp và được cập nhật theo thời gian thực.

- Cung cấp hệ thống thông minh để quản lý danh mục đầu tư, tài khoản chứng khoán hiệu quả. Truy cập, truy xuất nhanh dữ liệu giao dịch và những biến động nhạy cảm của thị trường dễ dàng.

- Chúng tôi luôn dự báo trước các nhu cầu và sự phát triển của công nghệ trong tương lai, từ đó đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tốt nhất để đón đầu triển khai các nghiệp vụ mới.

Năng lực tài chính mạnh:

BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng, có kế hoạch tăng vốn hàng năm để trở thành một trong những công ty hàng đầu về vốn và năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, BSI có một mạng lưới quan hệ rộng khắp, chặt chẽ với các quỹ đầu tư, các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước. Đây là cơ sở để BSI hoàn toàn có thể hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư về dịch vụ hỗ trợ vốn như giao dịch ký quỹ; ứng trước tiền bán; cầm cố chứng khoán; repo cổ phiếu, trái phiếu. Hơn nữa, được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức tài chính như: Ngân hàng Bản Việt; Ngân hàng Nam Á; Tập đoàn Đô Thành là nền tảng vững chắc cho sự thành công của các dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là trong trường hợp khách hàng có nhu cầu tái cấu trúc vốn và những giải pháp về vốn khác.

Chiến lược phát triển bền vững:

BSI tiếp tục kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra, minh bạch các quy trình thực hiện; nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình



giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng.

Những thế mạnh trên chỉ là một vài trong nhiều yếu tố để tạo ra lợi thế về sự khác biệt của chất lượng cũng như giá trị dịch vụ mà BSI mang đến cho nhà đầu tư. Hơn thế nữa, sự kết hợp tương hỗ chặt chẽ lợi thế đó với những tôn chỉ kinh doanh:

- Con người là trung tâm, khuyến khích tư duy sáng tạo trong chuyên môn nghiệp vụ vì quyền lợi của khách hàng và sự phát triển của BSI.
- Bảo đảm hài hòa lợi ích và quyền lợi của các bên liên quan.
- Không ngừng đổi mới và phát triển toàn diện.

- Quản trị rủi ro hiệu quả, tích cực áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong quản trị điều hành.

- Luôn tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển cộng đồng.

Những điều này đã tạo nên sức mạnh cạnh tranh toàn diện của BSI cũng như phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của hệ thống. Từ đó tạo ra giá trị tối ưu cho nhà đầu tư đang sử dụng sản phẩm và dịch vụ của BSI. Đồng thời, tiếp tục thỏa mãn nhu cầu của nhà đầu tư trong hiện tại và tương lai, thích nghi với mọi giai đoạn phát triển của thị trường tài chính Việt Nam. “**Vững tin vào đầu tư**” là khẩu hiệu và cũng chính là sự cam kết về chất lượng sản phẩm - dịch vụ của BSI đối với khách hàng.

CỘT MỐC PHÁT TRIỂN



2007

Ngày 06/12/2007:
BSI được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2008

Ngày 25/07/2008:
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 134 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 28/08/2008:
BSI tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

2009

Ngày 01/07/2009:
BSI chính thức triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến (Online Trading).

Ngày 08/10/2009:
BSI thành lập Chi nhánh Hà Nội tại số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngày 20/11/2009:
BSI chính thức triển khai các nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Xác định giá trị doanh nghiệp.

2010

Ngày 14/10/2010:
BSI thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



2011

Tháng 01/2011:
BSI vinh dự đón nhận giải thưởng Cúp vàng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010”.

Ngày 31/08/2011:
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.

2012

Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến hiện đại B-Trade, triển khai nghiệp vụ Margin.

2013

Thị phần môi giới chứng khoán niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX của BSI chiếm gần 1%. Thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới Trái phiếu Chính phủ nhiều nhất năm 2013.

Tháng 03/2013:
Thành lập văn phòng đại diện tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Tháng 10/2013:
BSI chính thức chuyển Trụ sở hoạt động về 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ngay trung tâm tài chính của thành phố.

2014

Tháng 01/2014:
BSI chính thức triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán mới T-Solution (Hàn Quốc) bao gồm B-Pro, B-Web và B-Mobile để hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán.

Đây là một trong những phần mềm mạnh nhất trên thị trường trong nước và đang được ứng dụng rộng rãi tại một số nước trong khu vực.

Tại Việt Nam, T-Solution đang được những công ty chứng khoán lớn như VCSC, SHS, PSI, Woori CVB, KIS sử dụng.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2015

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Bức tranh về tình hình kinh tế thế giới trong năm 2015 tuy chưa thực sự khởi sắc nhưng cũng đã bớt ảm đạm hơn. Nhịp độ tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới vẫn chưa được như mức dự báo. Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 là 2,4%, nhưng về cơ bản có thể thấy những tác động của khủng hoảng tài chính và nợ công đã không còn trầm trọng, kinh tế toàn cầu bắt đầu thích nghi dần với những biến động về chính trị, an ninh. Nền kinh tế thế giới năm 2015 được khái quát ở ba điểm chính như sau:

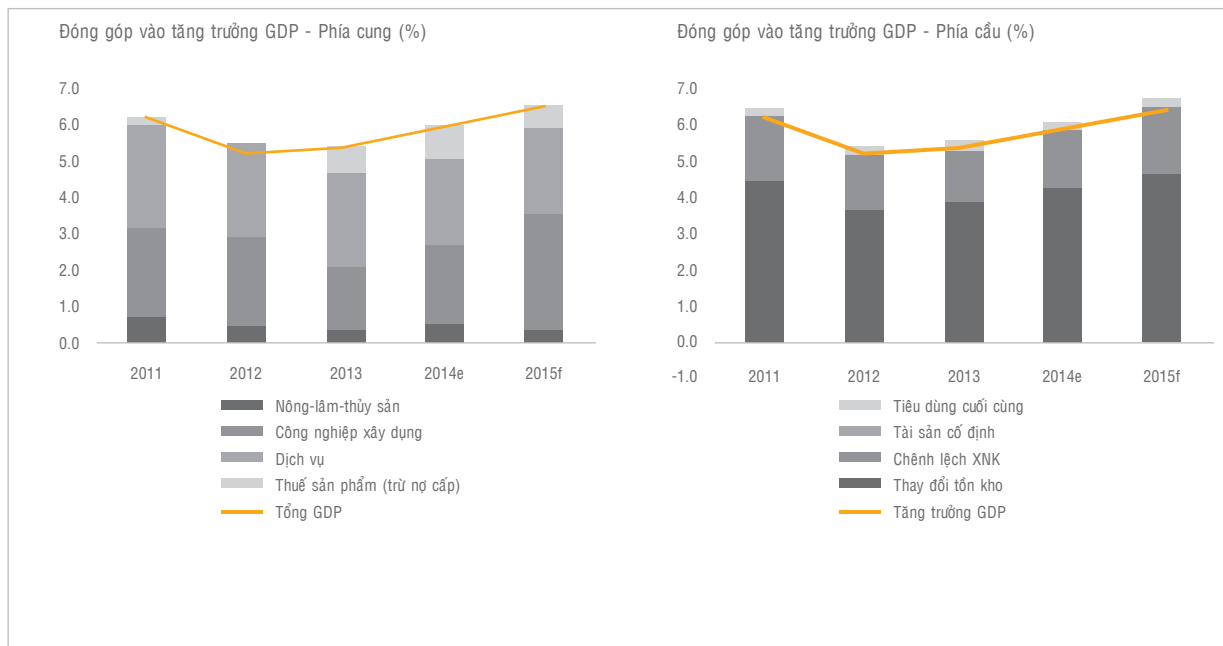
Tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia, khu vực vẫn còn không đồng đều, chưa ổn định và thiếu bền vững. Năng suất của cả nền kinh tế phát triển và đang phát triển đều giảm thấp hơn so với trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trong khi đó, mức tăng trưởng giữa các nước và nhóm nước không đồng đều. Kinh tế các nước phát triển tiếp tục phục hồi nhưng chậm hơn kỳ vọng.

Thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế biến động phức tạp và khó lường, tác động tiêu cực đến sự ổn định kinh tế thế giới.

Năm 2015 là năm thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế biến động mạnh và phức tạp nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 - 2009. Những diễn biến xấu của nền kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh đến tâm lý thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, khiến nhiều thị trường chao đảo trong quý III/2015. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) đã gây sốc trên thị trường tài chính thế giới khi liên tiếp phá giá đồng Nhân dân tệ vào tháng 8/2015. Nhân dân tệ mất giá đã ảnh hưởng đến tỷ giá của các đồng tiền trong khu vực và của các nền kinh tế mới nổi trên toàn thế giới. Trong khi đó, cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu năm 2015 đã tạm thời lắng xuống nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ tái phát.

Giá dầu và giá nguyên liệu giảm sâu tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu và nguyên liệu lớn. Năm 2015, thế giới đã chứng kiến việc giá nguyên liệu và dầu thô tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Chỉ số giá của 22 mặt hàng nguyên liệu (theo Bloomberg) đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 1999. Trong khi giá dầu thế giới tháng 12 -2015 đã giảm xuống mức thấp nhất trong

Biểu đồ 1: Đà tăng trưởng được duy trì nhờ cầu nội địa và ngành công nghiệp chế tạo định hướng xuất khẩu



Nguồn: World Bank (12/2015), cập nhật bởi BSI

11 năm qua, chạm mức 35 USD/thùng và mức thấp nhất trong 52 tuần tính đến thời điểm hiện tại của dầu WTI (2/2016) chỉ là 28,74 USD/thùng. Tuy nhiên, nếu nhìn ở khía cạnh khác, giá dầu sụt giảm cũng làm tăng sức mua từ các hộ gia đình và làm chậm lại lạm phát ở một số quốc gia, đặc biệt là ở Châu Âu và Mỹ.

NHỮNG DIỄN BIẾN GẦN ĐÂY CỦA KINH TẾ VIỆT NAM

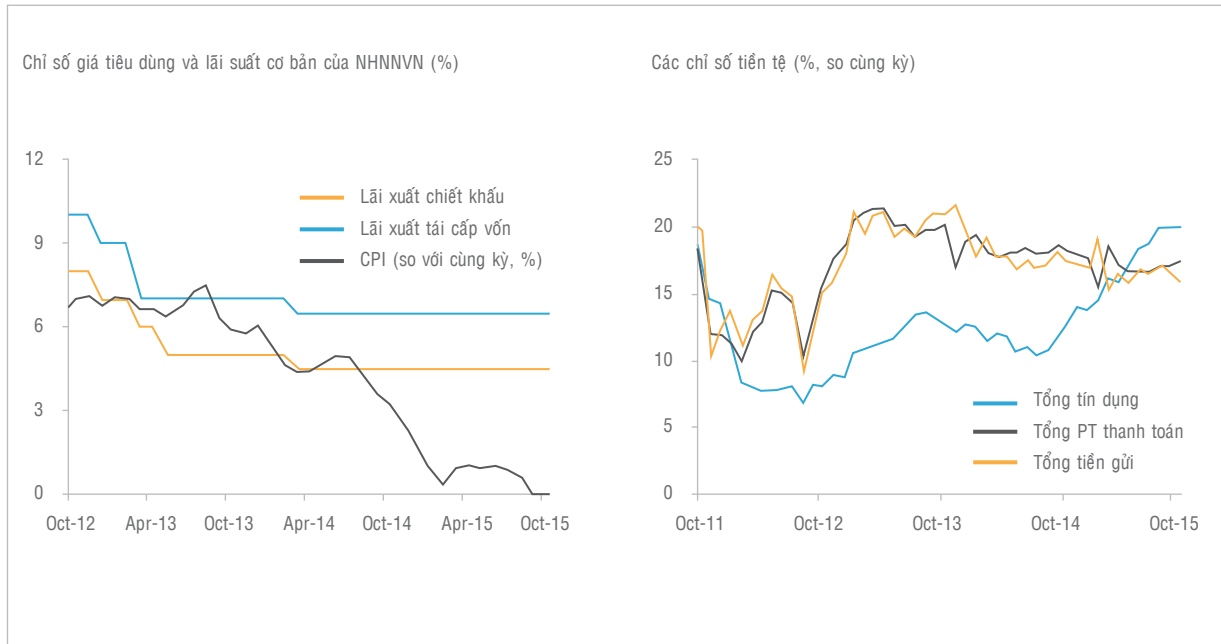
Nền kinh tế đang phục hồi và ứng phó khá hiệu quả với các biến động kinh tế bên ngoài

Kinh tế Việt Nam đã đối phó khá tốt trước những biến động môi trường kinh tế bên ngoài nhờ tăng cầu nội địa và ngành công nghiệp chế tạo định hướng xuất khẩu đạt kết quả tốt. Tăng trưởng GDP (biểu đồ 1) 9 tháng đầu năm 2015 tiếp tục tăng và đạt 6,5% so với cùng kỳ năm ngoái (tốc độ tăng trưởng GDP cùng kỳ năm 2014 là 6,0%). Tỷ lệ lạm phát thấp và niềm tin của người tiêu dùng cải thiện đã thúc đẩy tiêu dùng cá nhân. Đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như chi đầu tư phát triển của chính phủ gia tăng. Tín dụng ngân hàng

đã tăng trưởng trở lại. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong ngành chế tạo tăng mạnh, nhưng tổng kim ngạch lại bị ảnh hưởng bởi mức độ sụt giảm xuất khẩu hàng hóa cơ bản và nông sản. Nhập khẩu máy móc, thiết bị để mở rộng sản xuất và hàng hoá trung gian phục vụ chế biến, chế tạo tăng mạnh phản ánh nhu cầu đầu tư gia tăng và tỷ lệ nhập khẩu cao trong hàng xuất khẩu.

Trong lĩnh vực sản xuất, tăng trưởng nhiều nhất diễn ra trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thuộc ngành công nghiệp chế tạo và trong ngành xây dựng do thị trường bất động sản đã bắt đầu hồi phục và được đầu tư nhiều hơn. Ngành dịch vụ cũng tăng trưởng tốt với tỷ lệ 6,2% nhờ tăng doanh số bán lẻ (tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước), nhưng bị ảnh hưởng phần nào do du lịch tăng trưởng chậm (xuống mức 3,8% so với cùng kỳ năm trước). Ngược lại lĩnh vực nông, lâm ngư nghiệp vẫn tăng trưởng yếu (2,1% so với cùng kỳ), do tác động của giá thực phẩm giảm và diễn biến thời tiết không thuận lợi của hiện tượng El Nino.

Biểu đồ 2: Lạm phát thấp đã tạo điều kiện áp dụng chính sách tiền tệ hỗ trợ và tăng trưởng tín dụng



Nguồn: Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

Chỉ số giá tiêu dùng giảm xuống mức thấp do giá nhiên liệu và lương thực phẩm thấp, lạm phát lõi ổn định

Tỉ lệ lạm phát trung bình 10 tháng đầu năm 2015 là 0,7% trong khi cùng kì năm ngoái là 4,6%. Do giá dầu và giá lương thực phẩm thấp cùng với lạm phát lõi ổn định nên chỉ số giá tiêu dùng đang ở mức thấp kỉ lục. Tỉ lệ lạm phát trung bình 10 tháng đầu năm 2015 là 0,7% trong khi mức cùng kì năm ngoái là 4,6%. Giá dầu trên thị trường quốc tế giảm dẫn đến giảm giá nhiên liệu và dịch vụ vận tải và làm cho lạm phát năng lượng giảm. Chỉ số giá lương thực phẩm năm nay cũng ở mức thấp, chỉ tăng 1,6% trong 9 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ.

Tăng trưởng tín dụng đã hồi phục, được tiếp đà bởi chính sách tiền tệ hỗ trợ và lạm phát thấp

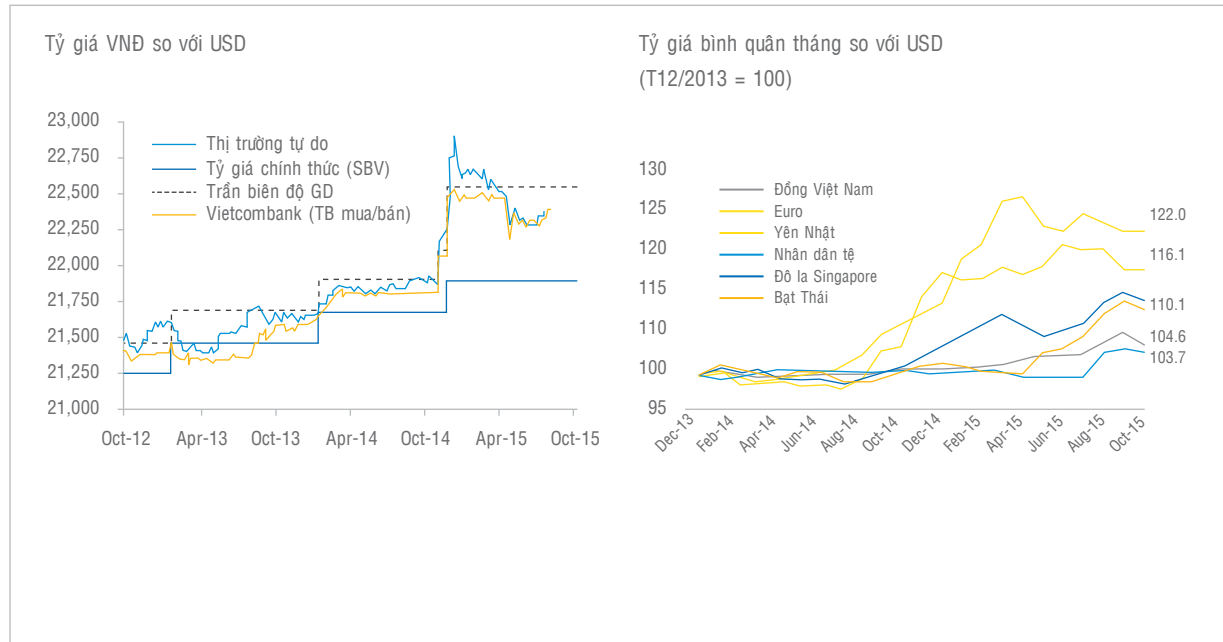
Lạm phát thấp đã tạo điều kiện áp dụng chính sách tiền tệ hỗ trợ (biểu đồ 2). Trong bối cảnh lạm phát giảm và cầu nội địa kém Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã cắt lãi suất chính sách tổng cộng là 850 điểm cơ sở kể từ năm 2012, trong đó có 50 điểm cắt giảm trong giai đoạn từ sau tháng 10/2014. Hiện nay lãi suất chiết khấu của NHNN là

4,5% và lãi suất tái cấp vốn là 6,5%. Thông tư 36/NHNN (tháng 11/2014) đã cho phép tăng trần cho vay đối với tiền gửi ngắn hạn (tăng từ 30% lên 60%) và giảm trọng số rủi ro đối với một số hoạt động cho vay, kể cả cho vay bất động sản. Mặc dù không có những dấu hiệu rõ ràng về chính sách nới lỏng tiền tệ trong năm nay nhưng tín dụng đã tăng trưởng mạnh, đạt mức 12% (tính từ đầu năm đến tháng 9/2015) – mức tăng trưởng cùng kỳ cao nhất kể từ năm 2011. Tăng trưởng tín dụng trở lại đã hỗ trợ nhu cầu đầu tư và các hoạt động kinh tế khác nhưng cũng phần nào gây quan ngại về chất lượng các khoản vay nhất là khi các khoản nợ xấu tồn đọng trong các ngân hàng thương mại từ các năm trước chưa được xử lý triệt để.

Mặc dù các cơ quan chức năng đã có nhiều nỗ lực, việc xử lý nợ xấu trong lĩnh vực ngân hàng vẫn còn nhiều thách thức

NHNN thông báo tỷ lệ nợ xấu trong toàn hệ thống ngân hàng đã giảm xuống dưới 3% tổng dư nợ tín dụng. Tuy nhiên có được kết quả này phần nào là do các khoản nợ xấu đã được chuyển sang Công ty quản lý tài sản của các tổ chức

Biểu đồ 3: Tỷ giá tiền Đồng đã dần ổn định sau các lần phá giá, nhưng vẫn chịu nhiều áp lực



Nguồn: SBV, cập nhật bởi BSI

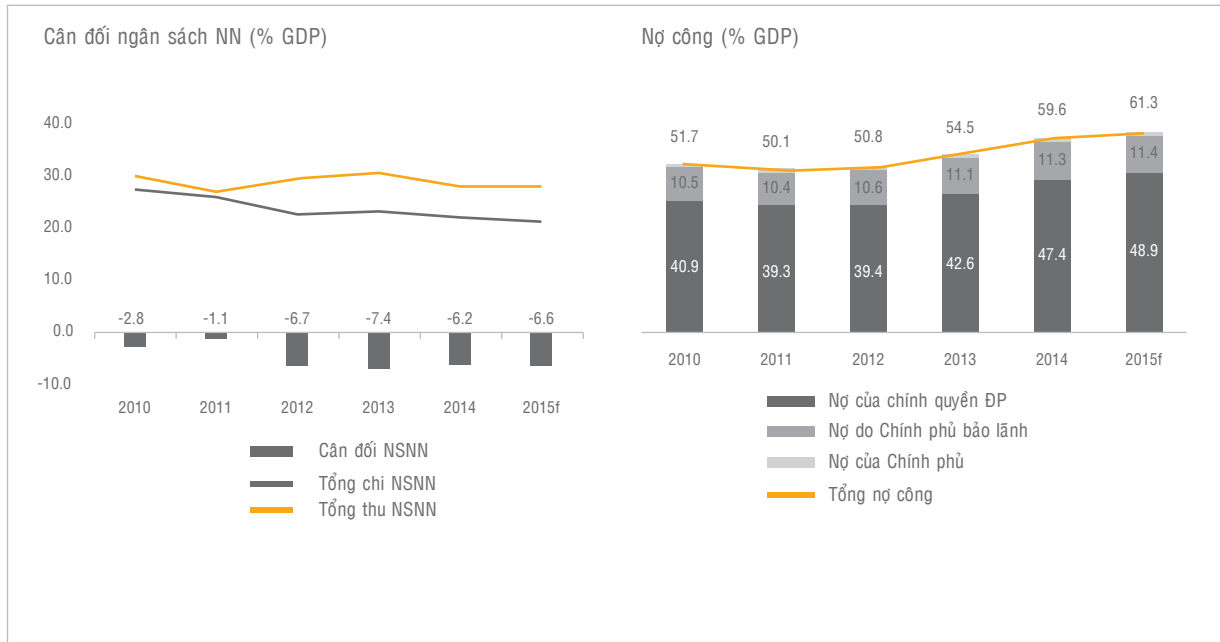
tín dụng Việt Nam (VAMC) cũng như tổng tín dụng đã tăng mạnh trong thời gian gần đây. Quá trình xử lý nợ xấu vẫn đang diễn ra chậm chạp, cho đến nay chỉ có khoảng 7% tổng nợ xấu được xử lý. Công việc xử lý nợ xấu bị chậm là do VAMC không có đủ quyền sở hữu hợp pháp đối với khối tài sản này, thiếu một khung pháp lý thích hợp đối với việc giải quyết các trường hợp mất khả năng thanh toán, chuyển đổi quyền sở hữu, tịch biên tài sản thế chấp và bảo vệ nhân viên VAMC liên quan đến trách nhiệm cá nhân trong việc bán tài sản thấp hơn giá trị sổ sách.

Giảm áp lực tỷ giá thông qua việc phá giá tiền Đồng một cách từ từ

Mặc dù có nhiều biến động trên thị trường tiền tệ quốc tế nhưng áp lực tỷ giá đã được điều chỉnh thông qua việc phá giá Việt Nam đồng một cách từ từ và quản lý tỷ giá linh hoạt hơn (biểu đồ 3). Trong năm 2015, Việt Nam vẫn áp dụng hệ thống tỷ giá cố định biên độ (crawling peg) trong đó quản lý tỷ giá giao dịch là khâu chính trong chính sách điều hành tỷ giá. Tuy nhiên, kể từ ngày 04/01/2016, NHNN áp dụng cơ chế mới đối với tỷ giá. Cụ thể, thay vì tỷ giá bình

quân liên ngân hàng sử dụng lâu nay, thị trường sẽ có tỷ giá trung tâm do NHNN công bố hàng ngày. Áp lực tỷ giá bắt đầu tích tụ kể từ đầu năm 2015 do cả hai yếu tố thâm hụt thương mại của Việt Nam gia tăng và các đồng tiền Châu Á đều bị suy yếu. Sức ép này trở nên trầm trọng hơn khi đồng Nhân dân tệ bị phá giá hồi tháng 8/2015. Cân nhắc việc tăng lãi suất và mức dự trữ ngoại tệ có hạn (tương đương gần 3 tháng nhập khẩu), NHNN đã phản ứng trước áp lực này bằng cách giảm giá trị tiền Đồng ba lần vào các tháng 1, 5 và 8/2015 với tổng cộng 3%. Ngoài ra, NHNN cũng nới biên độ giao dịch ngoại tệ từ +/-1% lên +/-3%. Tính chung trong năm 2015 đồng tiền Đồng đã mất khoảng 5% giá danh nghĩa, và gần 3% giá thực tế so với đồng USD. NHNN còn hạ lãi gửi tiết kiệm bằng USD và siết chặt quản lý các giao dịch bằng ngoại tệ giữa các tổ chức tài chính nhằm tránh đầu cơ và găm giữ ngoại tệ. Biện pháp này phần nào đã ổn định tỷ giá, thị trường ngoại hối và duy trì năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam.

Biểu đồ 4: Thâm hụt ngân sách kéo dài làm tăng nợ công



Nguồn: World Bank và MOF, cập nhật bởi BSI

Nợ công của Việt Nam đã tăng nhanh trong vài năm gần đây

Tuy tình hình tài khoá của Việt Nam bị biến động theo chu kỳ nhưng mức độ thâm hụt lớn đã gây quan ngại về bền vững tài khoá trung hạn và nợ công. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tổng nợ công của Việt Nam (nợ chính phủ, nợ do chính phủ bảo lãnh, nợ của chính quyền địa phương) đã tăng mạnh từ mức 51,7% năm 2010 lên khoảng 61,3% GDP năm 2015 (biểu đồ 4). Trong số này nợ trực tiếp của chính phủ trung ương chiếm 48,9% GDP, nợ do chính phủ trung ương bảo lãnh chiếm 11,4% GDP và nợ của chính quyền các tỉnh chiếm trên dưới 1% GDP. Tổng nợ công đang nhanh chóng tiến tới mức trần cho phép 65% GDP. Hiện nay các nhà tài trợ đang dần rút khỏi Việt Nam làm cho nguồn vốn ưu đãi bên ngoài cũng giảm theo, vì vậy chính phủ sẽ phải dựa chủ yếu vào vay nợ trong nước để đáp ứng nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng.

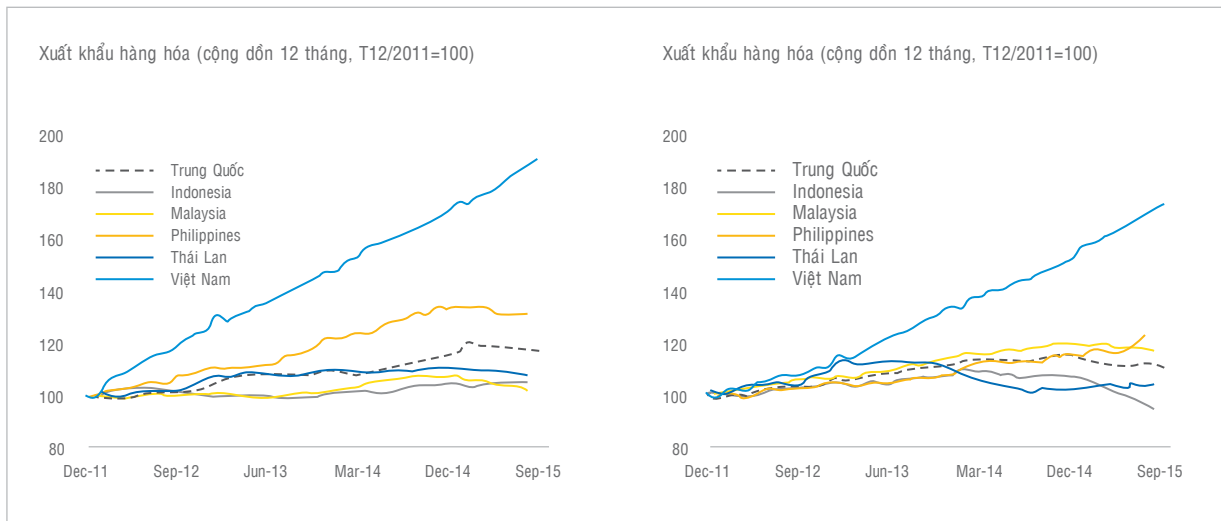
Tình trạng mất cân đối tài khoá đã tích tụ từ nhiều năm trước cần được giải quyết thì mới có thể đảm bảo bền vững tài chính công. Vì vậy, chính phủ đang tìm cách tăng cường kỷ luật tài khoá, tăng cường quản lý thuế và mở rộng diện

thu thuế. Ngoài ra chính phủ cũng cố gắng kiểm soát chi thường xuyên và thắt chặt kiểm soát các khoản đầu tư công mới. Luật Ngân sách Nhà nước sửa đổi sẽ góp phần tăng cường quản lý tài khoá.

Thương mại xuất nhập khẩu vẫn khá ấn tượng

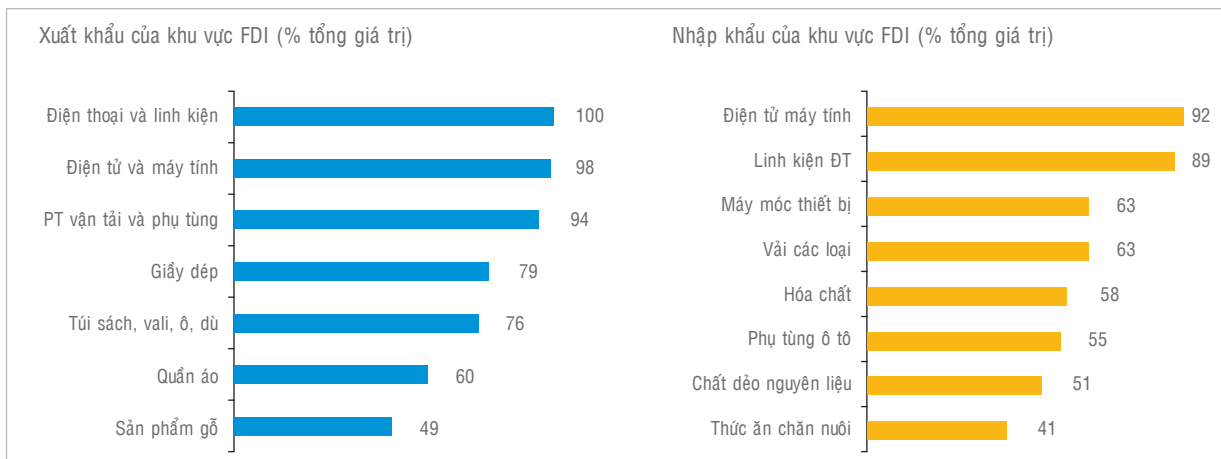
Mặc dù tăng trưởng thương mại toàn cầu vẫn còn yếu kém, nhưng tình hình xuất khẩu của Việt Nam vẫn đáng ghi nhận (biểu đồ 5). Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2015 ước đạt 120 tỉ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trị xuất khẩu hàng hóa cơ bản giảm mạnh do giá xuất khẩu giảm. Xuất khẩu dầu thô giảm gần một nửa về giá trị và xuất khẩu hàng nông nghiệp giảm gần 10%. Tuy nhiên, xuất khẩu hàng chế biến, chế tạo tăng mạnh, nhất là các mặt hàng công nghệ như điện thoại di động, điện tử và máy tính. Các sản phẩm xuất khẩu sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, đồ gỗ cũng tăng trưởng tốt, khoảng 10%. Tuy vậy, tỉ lệ nhập khẩu đầu vào trong các sản phẩm này vẫn tương đối cao, tác động lan toả công nghệ từ các doanh nghiệp nước ngoài sang các doanh nghiệp trong nước chưa cao và các doanh nghiệp trong

Biểu đồ 5: Tăng trưởng thương mại Việt Nam so với một số nước Châu Á



Nguồn: World Bank, cập nhật bởi BSI

Biểu đồ 6: Tỷ trọng xuất - nhập khẩu ngày càng tăng của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài



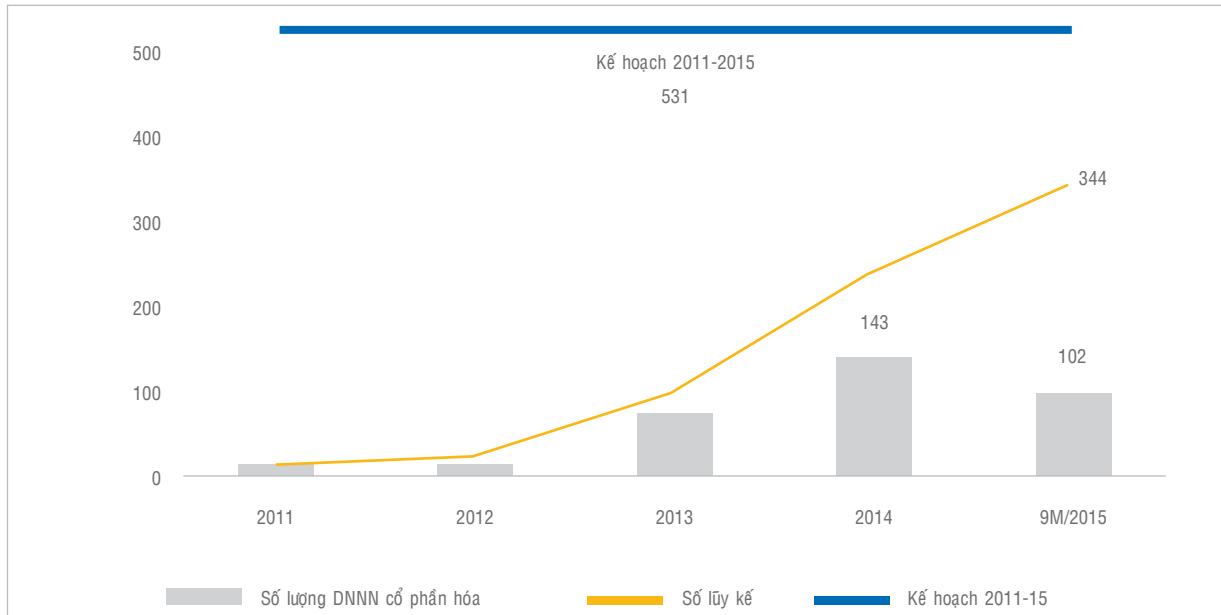
Nguồn: Tổng cục Hải quan, cập nhật bởi BSI

nước chưa có khả năng tham gia chuỗi cung ứng và tạo giá trị cao hơn.

Kết quả xuất khẩu cũng thể hiện mức độ hội nhập hiện tại của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu (biểu đồ 6). Nhìn chung, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vẫn là động lực chính trong xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, chiếm tới 68,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (ngoài dầu thô). Giá trị xuất khẩu của khu vực này tăng 20,8% so với cùng kỳ trong

9 tháng đầu năm 2015. Đồng thời khu vực đầu tư nước ngoài cũng gia tăng nhập khẩu máy móc, thiết bị cho đầu tư và nguyên liệu, hàng hoá trung gian phục vụ chế tạo và chế biến để xuất khẩu. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tiếp tục có thặng dư thương mại (khoảng 9% GDP năm 2015) nhưng tỷ trọng nhập khẩu đầu vào rất cao của các doanh nghiệp này cũng thể hiện quy mô hạn chế của chuỗi giá trị trong nước.

Biểu đồ 7: Tiến độ cổ phần hóa DNNN 2011-2015



Nguồn: MOF, cập nhật bởi BSI

Đổi mới doanh nghiệp Nhà nước

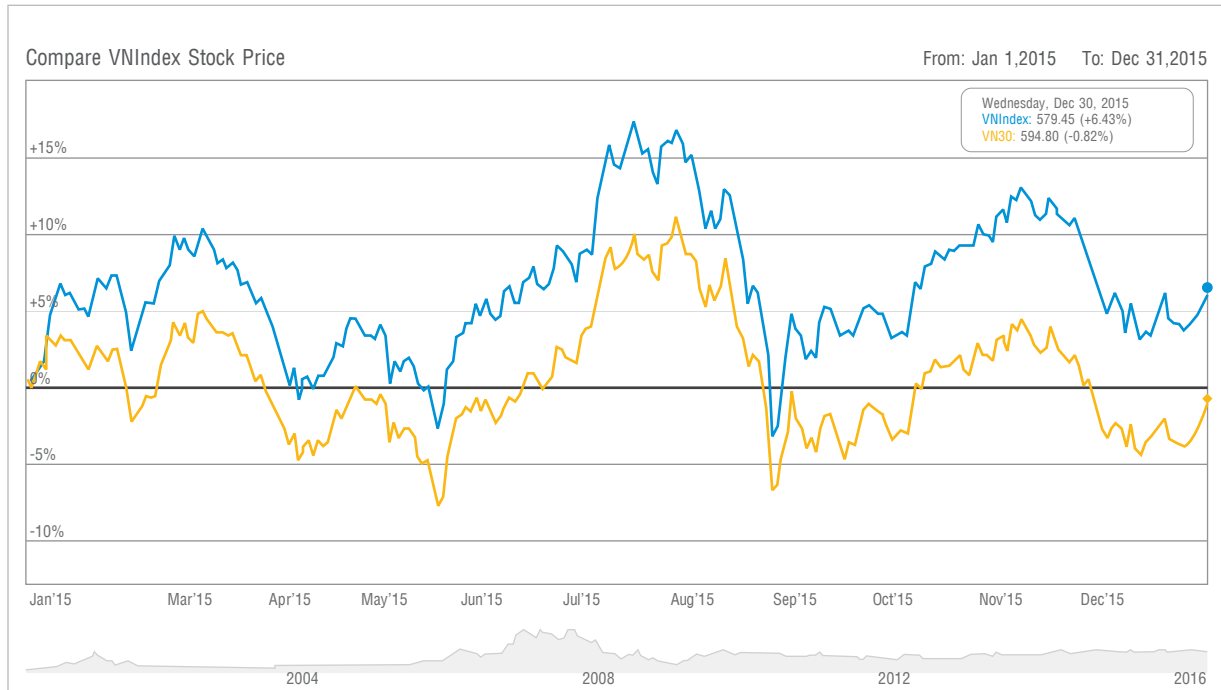
Cổ phần hóa đang là nhiệm vụ ưu tiên trong quá trình cải cách DNNN nhưng tốc độ thực hiện chưa đủ nhanh để hoàn thành mục tiêu năm 2015. Đến cuối tháng 9/2015 Việt Nam đã CPH 344 DNNN, trong đó bao gồm một số công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty lớn (biểu đồ 7). Việt Nam đã không hoàn thành mục tiêu cổ phần hóa 531 DNNN giai đoạn 2011-15, nhưng kết quả đã tốt hơn rất nhiều so với giai đoạn 2006-10 khi mà chỉ tiêu cổ phần hóa chỉ đạt 30%. Gần đây chính phủ đã công bố kế hoạch rút vốn toàn bộ khỏi các doanh nghiệp lớn và hoạt động tốt như Vinamilk và FPT. Hành động đó có thể tạo động lực tốt, đẩy nhanh quá trình đổi mới DNNN tại Việt Nam.

Cải cách hệ thống ngân hàng

Tăng cường giám sát và điều tiết các ngân hàng tiếp tục là ưu tiên hàng đầu của cải cách khu vực tài chính. NHNN đã tập trung ban hành các quy định an toàn hoạt động nghiêm ngặt hơn, áp dụng quản lý rủi ro tốt hơn (dần dần áp dụng các nguyên tắc Basel II), áp dụng cách tiếp cận đa chiều trong giải quyết nợ xấu, trong đó VAMC là công cụ chính.

Thông tư 02 (ban hành năm 2013 và có hiệu lực đầy đủ từ tháng 4/2015) là một bước tiến đúng đắn trong việc áp dụng thông lệ quốc tế vào tính toán và phân loại nợ xấu. Ngoài ra, Thông tư 36 ban hành cuối năm 2014 qui định các tiêu chuẩn nhằm tăng cường minh bạch trong hoạt động của ngân hàng và giải quyết vấn đề sở hữu chéo – hiện đang bị coi là yếu tố đe dọa sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Thông tư cũng thể hiện nỗ lực của NHNN trong vấn đề áp dụng dần các nguyên tắc Basel II trong ngành ngân hàng. Quá trình củng cố lại ngành ngân hàng đã tăng tốc từ nửa đầu năm 2015 chủ yếu thông qua các thương vụ cưỡng chế mua bán và sát nhập ngân hàng. Không giống như trước đây, khi quá trình củng cố chủ yếu diễn ra bởi các vụ sát nhập ngân hàng nhỏ (và yếu), các thương vụ trong năm 2015 chủ yếu là các vụ sáp nhập ngân hàng nhỏ vào ngân hàng thương mại quốc doanh. Ngoài ra, thay vì cho phép các ngân hàng yếu kém thông báo phá sản, NHNN đã tiếp nhận 3 ngân hàng nhỏ và cử các cán bộ có kinh nghiệm giữ các chức vụ quản lý chủ chốt với mong muốn cải thiện kết quả kinh doanh. Ngoài ra, một số ngân hàng cổ phần có kết quả hoạt động tốt cũng sát nhập với nhau. Hầu hết, nếu không

Biểu đồ 8 Diễn biến VN-Index năm 2015



Nguồn: BSI

nói là tất cả, các vụ sát nhập và mua bán đều được cơ quan quản lý tạo điều kiện với mục đích xốc lại hệ thống ngân hàng, giải quyết vấn đề sở hữu chéo giữa các ngân hàng và qua đó giảm thiểu rủi ro hệ thống. Tuy con số các vụ mua bán và sát nhập có tăng lên nhưng mục tiêu giảm số ngân hàng thương mại xuống còn 15 - 17 vào năm 2017 có thể khó thực hiện. Hiện nay vẫn còn 34 ngân hàng thương mại sau khi thực hiện 8 vụ mua bán/sát nhập (con số ngân hàng thương mại là 42 trước khi thực hiện tái cơ cấu ngành ngân hàng).

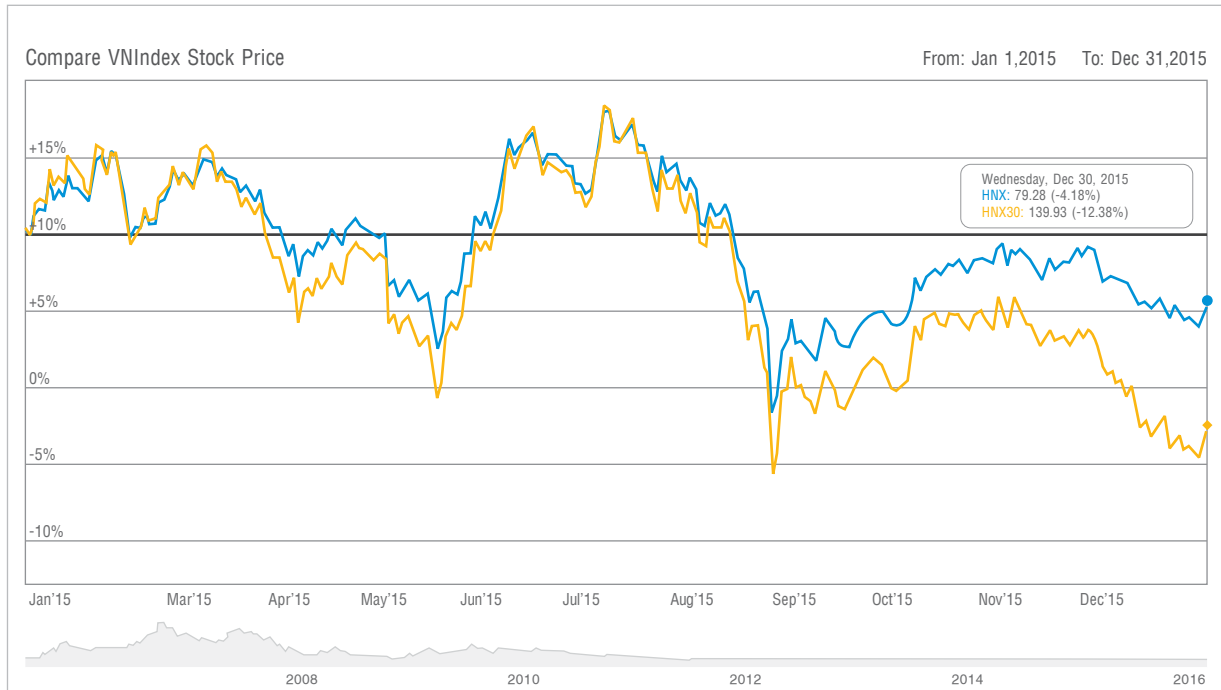
Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 để lại nhiều dấu ấn đáng ghi nhận

Năm 2015, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới phục hồi nhưng đang có dấu hiệu chững lại, đặc biệt là tại các thị trường mới nổi; thị trường tài chính nhiều nước sụt giảm mạnh, dòng vốn rút ra khỏi các thị trường mới nổi lên đến 540 tỷ USD. Bên cạnh đó, giá dầu giảm cùng với khủng hoảng di cư, xung đột địa chính trị nên bức tranh thị trường chứng khoán toàn cầu xu hướng nhìn chung giảm. Đồng thời, sự biến động của thị trường chứng khoán toàn cầu trước và

sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất đã cho thấy tầm ảnh hưởng của kinh tế Mỹ đến những nền kinh tế yếu kém hơn và có sự bền vững không cao.

Tuy nhiên, với sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Bộ Tài chính, cùng sự cố gắng, nỗ lực của UBCKNN và các thành viên thị trường, toàn ngành đã triển khai nhiều giải pháp mang tính đột phá về thu hút dòng vốn gián tiếp nước ngoài; gắn cổ phần hóa với niêm yết; rút ngắn chu kỳ thanh toán; công tác tái cấu trúc thị trường tiếp tục đạt được những kết quả khả quan. Những nỗ lực này đã giúp TTCK hoạt động ổn định và tăng trưởng, được đánh giá là điểm sáng thu hút dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài. Chỉ số VN-Index tăng 6,43% trong bối cảnh thị trường nhiều nước giảm mạnh (biểu đồ 8 và 9). Tổng giá trị huy động vốn toàn thị trường đạt hơn 300 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 28% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Quy mô niêm yết năm 2015 gia tăng tích cực, mức vốn hóa thị trường đạt mức 1.360 nghìn tỷ đồng (tăng 17% so với cuối năm 2014) và tương đương 34% GDP; tổng trị giá niêm yết theo mệnh giá tăng khoảng 24%; Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục có kết quả khả quan, doanh thu, lợi nhuận đều ước

Biểu đồ 9: Diễn biến HNX-Index năm 2015



Nguồn: BSI

tăng trưởng khoảng trên 10% so với năm 2014. Về hoạt động đầu tư, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt khoảng 1,5 triệu tài khoản, tăng hơn 105 nghìn tài khoản (tương đương 7,2%) so với cuối năm 2014, trong đó, số lượng nhà đầu tư tổ chức nước ngoài tăng 18,6%, số lượng nhà đầu tư tổ chức trong nước tăng 10,2%. Giá trị danh mục đầu tư gián tiếp nước ngoài tăng 12,5% so với cuối năm 2014. TTCK tiếp tục khẳng định là kênh huy động vốn quan trọng của doanh nghiệp, chính phủ và là kênh đầu tư có hiệu quả của công chúng. Tổng quan, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 khép lại với nhiều dấu ấn đáng ghi nhận thể hiện bởi những con số và sự kiện nổi bật có tác động lớn đến diễn biến thị trường cũng như tâm lý nhà đầu tư trong năm 2015.

Đột phá trong chính sách thu hút vốn nhà đầu tư nước ngoài

Ngày 26/6/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 60/2015/NĐ-CP (Nghị định 60) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Một trong những nội dung quan

trọng của Nghị định 60 là cho phép nhà ĐTNN được đầu tư không hạn chế vào các công ty không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Quy định này được đánh giá là bước đột phá trong chính sách thu hút vốn ĐTNN của Việt Nam. Việc chính thức mở tỷ lệ sở hữu cho nhà ĐTNN kể từ ngày 01/9/2015 về trung và dài hạn sẽ có những tác động tích cực đến nền kinh tế, môi trường kinh doanh, thị trường vốn, doanh nghiệp và nhà đầu tư. Chính sách này được kỳ vọng sẽ tạo cú hích thay đổi một cách căn bản diện mạo của TTCK Việt Nam.

TTCK phái sinh: Văn bản pháp lý điều chỉnh đầu tiên ra đời

Ngày 05/5/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 42/2015/NĐ-CP (Nghị định 42) về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh (TTCKPS), tạo cơ sở pháp lý quan trọng để chuẩn bị đưa TTCKPS vào hoạt động từ cuối năm 2016, Thông tư hướng dẫn Nghị định 42 cũng đã được Bộ Tài chính ký ban hành (Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/01/2016 của Bộ Tài chính). Hiện các công đoạn chuẩn bị kỹ càng cho việc chính thức vận hành thị trường quan trọng

này vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện. TTCKPS đi vào hoạt động trong thời gian tới sẽ giúp hoàn thiện cấu trúc của thị trường chứng khoán, tạo độ sâu cho thị trường chứng khoán, tạo phương tiện phòng ngừa rủi ro cho nhà đầu tư, đồng thời đa dạng hóa công cụ giao dịch trên TTCK.

Thúc đẩy cổ phần hóa, thoái vốn và gắn cổ phần hóa, đại chúng hóa với niêm yết, đăng ký giao dịch trên TTCK

Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg đã thể chế hóa và đẩy nhanh công tác đăng ký giao dịch, niêm yết của các doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty đại chúng trên TTCK. Các doanh nghiệp cổ phần hóa sau 90 ngày và các công ty đại chúng sau 30 ngày phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UpCom.

Việc gắn công tác đại chúng hoá, cổ phần hoá với đăng ký giao dịch đã đưa TTCK Việt Nam tiếp cận với thông lệ quốc tế, theo đó sau khi chào bán ra công chúng, các cổ phiếu phải được đưa vào giao dịch ngay trên TTCK; đồng thời, qua đó, giúp minh bạch hóa thông tin các DNNN hỗ trợ tích cực cho công tác tái cơ cấu DNNN; xóa bỏ dần thị trường giao dịch tự do, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư và thúc đẩy

thị trường chứng khoán có tổ chức phát triển.

Ban hành quy chế bán đấu giá cổ phần theo lô

Chính phủ ban hành Quyết định số 41/2015/QĐ-TTg về việc bán cổ phần theo lô. Trên cơ sở đó, UBCKNN đã ban hành quy chế bán đấu giá theo lô tại Quyết định số 999/QĐ-UBCK ngày 19/11/2015 quy định về việc bán công khai cổ phần của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại công ty cổ phần cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá và mỗi nhà đầu tư phải mua toàn bộ số cổ phần chào bán theo lô. Với cơ chế bán trọn lô có sự tham gia của Hội đồng thẩm định năng lực nhà đầu tư, Quy chế được ban hành sẽ hỗ trợ tích cực cho công tác thoái vốn trên TTCK trong thời gian tới, đồng thời góp phần cải thiện quản trị công ty trong các doanh nghiệp.

Đổi mới về cơ chế giao dịch - cho phép nhà đầu tư đặt lệnh mua và bán đối với cùng một loại chứng khoán, tạo thanh khoản cho TTCK

Thông tư số 203/2015/TT-BTC (Thông tư 203) thay thế cho Thông tư 74/2011/TT-BTC (Thông tư 74) hướng dẫn giao dịch trên TTCK đã chính thức được Bộ Tài chính ban hành vào ngày 21/12/2015. Thông tư 203 là một bước tiến khá lớn về quy định giao dịch chứng khoán trên thị trường theo

thông lệ quốc tế. Thông tư mới ban hành đề cập những vấn đề được thị trường mong đợi từ lâu và được đánh giá là những bước đột phá về cơ chế giao dịch trên TTCK, trong đó có việc cho phép nhà đầu tư đặt lệnh mua và bán đối với cùng một loại chứng khoán (nhưng không được phép thực hiện trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng/mở cửa), bỏ quy định nhà đầu tư chỉ được sử dụng 1 tài khoản để thực hiện giao dịch ngược chiều cùng 1 loại chứng khoán; cho phép các nhà đầu tư có thể thực hiện lệnh giao dịch khi có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký; tạo cơ sở pháp lý cho phép các thị trường triển khai các giao dịch bán chứng khoán chờ về, giao dịch trong ngày; tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động tạo lập thị trường.

Triển khai T+2, định hướng T+0 và hoàn thiện hệ thống đăng ký mã số giao dịch trực tuyến cho Nhà đầu tư nước ngoài

Thực hiện yêu cầu rút ngắn chu kỳ thanh toán giao dịch cổ phiếu từ ngày T+3 về T+2 của UBCKNN, ngày 18/12/2015, VSD ban hành Quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán mới. Theo đó, ngày thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ là ngày làm việc thứ 2 sau ngày

giao dịch (T+2). Ngày thanh toán giao dịch trái phiếu là ngày làm việc liền kề sau ngày giao dịch (T+1). Việc giảm thời gian thanh toán về T+2 đòi hỏi sự nỗ lực của các chủ thể tham gia TTCK, nhất là khối Công ty Chứng khoán, ngân hàng thanh toán, nhưng nếu làm được, sẽ tạo dấu ấn tốt hơn cho TTCK Việt Nam trên trường quốc tế.

Minh bạch công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng được tăng cường

Ngày 06/10/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 155/2015/TT-BTC (Thông tư 155) hướng dẫn CBTT trên TTCK, thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC (Thông tư 52). Thông tư 155 đã mở rộng đối tượng, lĩnh vực phải CBTT định kỳ, bất thường, cho phép nhà đầu tư cá nhân ủy quyền CBTT, khuyến khích CBTT bằng tiếng Anh. Quy định bổ sung về CBTT về môi trường và xã hội đánh dấu một bước tiến quan trọng của Việt Nam nhằm hướng đến một thị trường tài chính bền vững, đồng thời đáp ứng sự quan tâm của cộng đồng đầu tư quốc tế. Đây là một trong những bước đi chuẩn bị cho các điều kiện để thực hiện nâng hạng TTCK Việt Nam từ cận biên lên mới nổi.

DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2016



Tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2016 sẽ tiếp tục phục hồi, dự báo đạt tốc độ tăng cao hơn năm 2015 nhưng không nhiều

Theo Báo cáo cập nhật tháng 7/2015 về triển vọng kinh tế toàn cầu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), kinh tế toàn cầu dự báo tăng trưởng ở mức 3,3% trong năm 2015 (điều chỉnh giảm -0,2%) và được kỳ vọng tăng lên 3,8% trong năm 2016. Việc điều chỉnh giảm dự báo của IMF cho thấy triển vọng phục hồi của kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn. Các dự báo mới nhất của IMF đã không có nhiều điều chỉnh đối với triển vọng của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Tại khu vực Châu Á, Ấn Độ, nền kinh tế lớn thứ 3 Châu Á sẽ tăng trưởng 7,5% trong năm 2015 và năm 2016 nhờ tác động từ giá dầu giảm và nhiều cải cách kinh tế đang được đẩy mạnh. Tuy nhiên, kinh tế Trung Quốc ngày càng tăng trưởng chậm lại sẽ tác động tiêu cực đến triển vọng kinh tế khu vực Châu Á. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc suy giảm sẽ không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam và một số quốc gia có quan hệ thương mại và đầu tư lớn với Trung Quốc mà có thể kinh tế thế giới cũng bị ảnh hưởng sâu sắc do kinh tế Trung Quốc hiện là nền kinh tế lớn thứ

hai của thế giới. Ngoài ra, suy giảm tăng trưởng của các nước xuất khẩu dầu thô như Liên bang Nga hay các nước thuộc khối OPEC cũng tác động tiêu cực đến kinh tế thế giới. Một đặc điểm quan trọng của xu hướng phục hồi tăng trưởng kinh tế của các khu vực và nền kinh tế trên thế giới hiện nay là không đồng đều. Đối với các nước công nghiệp phát triển, sự phục hồi của Mỹ mạnh hơn các nước EU và Nhật Bản, dẫn đến USD lên giá so với các đồng tiền mạnh khác. Chính sách tỉ giá của nhiều nước đang được điều chỉnh nhằm duy trì khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu, điển hình là Trung Quốc đã liên tục phá giá đồng nhân dân tệ trong thời gian gần đây. Chính sách này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động ngoại thương của nhiều nước trên thế giới do hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc đang chiếm đến 15% tổng khối lượng xuất khẩu toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm nên các hoạt động thương mại toàn cầu cũng gặp khó khăn, nhu cầu nhập khẩu của các nền kinh tế phát triển năm 2015 chỉ tăng nhẹ so với năm 2014 và không có xu hướng cải thiện hơn trong năm 2016. Đối với các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, nhu cầu nhập khẩu sẽ tăng hơn vào năm 2016. Ngoài

ra, IMF cho rằng những diễn biến phức tạp và xung đột ở nhiều nơi trên thế giới như khủng hoảng ở Ukraine, bạo lực ở Trung Đông có ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế của nhiều khu vực và quốc gia. Những sự bất ổn này luôn ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động xuất nhập khẩu.

Triển vọng trung hạn của kinh tế Việt Nam là tích cực nhờ tăng tiêu dùng cá nhân và đầu tư.

Theo GSO, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014. GDP dự báo sẽ tăng 6,5% trong cả năm 2015 và tiếp tục được củng cố trong năm 2016 nhờ cầu trong nước tiếp tục phục hồi nhờ tăng tiêu dùng cá nhân và đầu tư. Về phía cung, tăng trưởng dự kiến sẽ chủ yếu nhờ vào ngành công nghiệp chế tạo và xây dựng. Kỳ vọng lạm phát dự báo vẫn ở mức thấp, vì vậy ít xảy ra khả năng NHNNVN sẽ thắt chặt chính sách tiền tệ trong kì ngắn hạn. Tuy nhiên, mức lạm phát thấp hiện nay nhờ giá năng lượng và lương thực toàn cầu được dự báo sẽ tăng trở lại trong trung hạn. Cán cân thương mại dự kiến sẽ thu hẹp trong năm nay do xuất khẩu giảm đi đồng thời với hoạt động kinh tế trong nước tăng dẫn đến tăng nhập khẩu. Dòng kiều hối ổn định sẽ góp phần duy trì thặng dư của tài khoản vãng lai. Bộ chi ngân sách dự kiến sẽ vẫn cao trong năm nay nhưng sẽ được điều chỉnh dần bởi các biện pháp thắt chặt nhằm tránh tăng nợ công. Nợ công vẫn ở mức bền vững nhưng phụ thuộc nhiều vào kết quả thực hiện chương trình thắt chặt tài khoá và các rủi ro khác.

Triển vọng tích cực nhưng kinh tế Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro bất lợi. Do khoảng đệm chính sách còn hạn chế nên các cú sốc bên ngoài và trong nước có thể ảnh hưởng lên sự ổn định kinh tế vĩ mô. Tiến trình tái cơ cấu chậm chạp trong nước gây ra nhiều rủi ro đáng kể đối với viễn cảnh tăng trưởng trung hạn. Ngoài ra còn phải kể đến một số rủi ro tài khoá đáng kể, và nếu chậm thực hiện chương

trình thắt chặt tài khoá thì mức độ bền vững nợ cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Cùng với tăng trưởng tín dụng các rủi ro trong ngành ngân hàng, kể cả tăng trưởng nóng, cũng sẽ tăng lên nếu không được quản lý cẩn trọng và có thể gây ra một đợt mất ổn định mới và tác động tiêu cực lên tăng trưởng. Môi trường bên ngoài nói chung là thuận lợi đối với Việt Nam, nhưng những rủi ro mới nảy sinh đòi hỏi phải tiếp tục quản lý vĩ mô tốt nhằm bảo vệ nền kinh tế an toàn trước các cú sốc có thể xảy ra.

TTCK Việt Nam năm 2016 sẽ duy trì triển vọng tăng trưởng ổn định nhờ yếu tố vĩ mô và các chính sách phát triển thị trường bắt đầu ngấm dần.

Trong năm 2016, TTCK Việt Nam còn có nhiều khó khăn phải đối diện do đà phục hồi kinh tế thế giới vẫn còn chậm, sự sụt giảm của các nền kinh tế mới nổi, giá dầu thế giới sụt giảm, khả năng Mỹ tiếp tục nâng lãi suất, sự rút vốn khỏi các thị trường mới nổi. Đồng thời, TTCK tiếp tục phải đối diện với những trở ngại nội tại còn tồn tại và rủi ro tiềm ẩn. Đặc biệt là tình trạng dễ tổn thương của hệ thống tài chính – ngân hàng vẫn chưa được giải quyết triệt để. Mặc dù vậy, TTCK Việt Nam cũng sẽ có những yếu tố hỗ trợ tích cực như kinh tế tiếp tục duy trì triển vọng tăng trưởng, nhiều hiệp định thương mại đầu tư đi vào thực thi, hàng loạt chính sách phát triển thị trường của các cơ quan quản lý ban hành bắt đầu ngấm dần vào thực tế thị trường sẽ là những yếu tố hỗ trợ thị trường chứng khoán trong năm 2016. Ở thời điểm hiện tại, các tổ chức quốc tế đều đánh giá cao triển vọng kinh tế và TTCK Việt Nam so với nhiều nước trong khu vực và chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài ít nhất. Do đó, TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững, ngày càng khẳng định trở thành một kênh dẫn vốn quan trọng trong nền kinh tế.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2015

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | <i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i> | | |
|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| | 2013 | 2014 | 2015 |
| Tổng tài sản | 836.651.500.295 | 493.570.103.630 | 428.016.881.837 |
| Vốn điều lệ | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 |
| Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu) | 40.000.000 | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Vốn chủ sở hữu | 386.655.097.206 | 372.040.384.099 | 380.638.212.710 |

| KẾT QUẢ KINH DOANH | <i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i> | | |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------|----------------|
| | 2013 | 2014 | 2015 |
| Doanh thu thuần | 139.894.426.189 | 26.815.669.075 | 63.652.462.389 |
| Lợi nhuận gộp từ hoạt động | 2.447.963.709 | 999.212.147 | 23.081.546.417 |
| Lợi nhuận kinh doanh | -25.346.113.012 | -13.768.299.846 | 8.076.118.087 |
| Lợi nhuận trước thuế | -26.292.042.497 | -13.954.042.107 | |

| CHỈ TIÊU KHÁC | <i>Đơn vị tính: %</i> | | |
|--------------------------------|-----------------------|-------|-------|
| | 2013 | 2014 | 2015 |
| Cơ cấu tài sản (%) | | | |
| Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | 81.22 | 74.09 | 78.05 |
| Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | 18.78 | 25.91 | 21.95 |
| Cơ cấu nguồn vốn (%) | | | |
| Nợ phải trả/ Tổng tài sản | 53.79 | 24.62 | 11.07 |
| Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản | 46.21 | 75.38 | 88.93 |

| TỶ SUẤT LỢI NHUẬN | <i>Đơn vị tính: %</i> | | |
|-------------------------------------|-----------------------|--------|-------|
| | 2013 | 2014 | 2015 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | -18.79 | -52.04 | 13.51 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | -3.14 | -2.83 | 2.01 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ | -6.57 | -3.49 | 2.15 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | -6.80 | -3.75 | 2.26 |

TỔNG QUAN DỊCH VỤ

Sau gần 09 năm hoạt động đến nay BETA đã xây dựng cho chính mình hình ảnh thông qua chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán trong đó đặc biệt là dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và môi giới, tạo cho khách hàng sự hài lòng, tin tưởng và gắn bó chặt chẽ với công ty.

Tất cả các nghiệp vụ Công ty đã triển khai đồng bộ và có hiệu quả.

NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN:

Môi giới chứng khoán niêm yết:

Với đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp, am hiểu hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế khác nhau đây là nhân tố cốt lõi giúp cho nghiệp vụ tư vấn khách hàng được chất lượng và hiệu quả, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu về tư vấn đầu tư và giao dịch chứng khoán.

Môi giới chứng khoán OTC: Với nhiều năm phát triển, BSI có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều công ty đại chúng, nguồn dữ liệu về thông tin cổ phiếu phong phú, được cập nhật liên tục, nguồn dữ liệu này cung cấp cho nhà đầu tư đầy đủ thông tin về các cổ phiếu chưa niêm yết, giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu tối đa rủi ro.

Lưu ký chứng khoán: Với công nghệ hiện đại, nghiệp vụ Lưu ký, chuyển khoản chứng khoán, thực hiện quyền cho nhà đầu tư tại BSI được tiến hành một cách nhanh chóng và thuận tiện. Hệ thống quản lý và theo dõi chuyên nghiệp của BSI giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch một cách chính xác và hiệu quả trong thời gian nhanh nhất.

Cụ thể, khách hàng sẽ được cung cấp các dịch vụ:

Ký gửi chứng khoán;

Thực hiện quyền liên quan đến người sở hữu chứng khoán

bao gồm Quyền bỏ phiếu (Quyền tham dự ĐHCĐ), Quyền nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và cổ tức bằng tiền, Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, Quyền mua chứng khoán phát hành thêm, Quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi và các Quyền khác theo quy định của pháp luật; Chuyển khoản chứng khoán; Giao dịch chứng khoán lô lẻ; tặng, cho, thừa kế; Cầm cố và giải tỏa chứng khoán cầm cố.

Quản lý sổ cổ đông: BSI cung cấp dịch vụ Quản lý sổ cổ đông bằng phần mềm hiện đại, là một công cụ hữu ích, giải pháp giao dịch nhanh chóng, quản lý an toàn, hiệu quả nhằm tối đa hóa chi phí cho khách hàng và đảm bảo tối ưu những lợi ích của doanh nghiệp và cổ đông.

Dựa trên phần mềm công nghệ tiên tiến OOS cùng với phương thực hiện đại, chuyên nghiệp giúp giảm thiểu tối đa chi phí về tài chính và thời gian cho cổ đông. BSI luôn cập nhật, lưu giữ thông tin cổ đông một cách chính xác, đầy đủ; gửi báo cáo về danh sách cổ đông định kỳ hoặc theo yêu cầu Công ty; đảm bảo tuyệt đối an toàn dữ liệu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Năm 2015, giá trị giao dịch hoạt động môi giới chứng khoán của BSI đạt 4.425 tỷ đồng, số tài khoản mở mới trong năm 2015 là 83 tài khoản, số tài khoản mở lũy kế tính đến cuối năm 2015 là 13.895 tài khoản.

Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, liên tục nâng cấp phần mềm dịch vụ và đa dạng hóa các hình thức phục vụ khách hàng, giao dịch ký quỹ... Thị phần môi giới năm 2015 tại hai sàn HOSE và HNX đạt 0,36%.

BSI tiếp tục củng cố mạng lưới hoạt động tại TP.HCM nhằm duy trì và phát triển ổn định, nâng cao uy tín với khách hàng.

“

Sau gần 09 năm thành lập, chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán của BETA đã được khẳng định, khách hàng tín nhiệm, đặc biệt các nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp: tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước đã tăng trưởng vượt bậc.

”

NGHIỆP VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP:

BSI cung cấp tất cả các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp điển hình như:

Tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn:

Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang cổ phần; Tư vấn thoái vốn nhà nước đầu tư ngoài ngành theo chủ trương của chính phủ; Tư vấn đại hội cổ đông lần đầu, tư vấn bàn giao doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

Tư vấn đầu giá cổ phần lần đầu, Tư vấn tìm kiếm, lên phương án tính toán tỷ lệ, cơ cấu vốn, giá chào bán đối với nhà đầu tư chiến lược.

Tư vấn phương án lao động, xử lý lao động dôi dư;

Tư vấn phương án sử dụng đất cho mục đích cổ phần hóa.

Xây dựng bản cáo bạch, công bố thông tin....

Tư vấn doanh nghiệp phát hành chứng khoán: là dịch vụ tư (cổ phiếu, trái phiếu...) để huy động vốn từ công chúng thông qua thị trường chứng khoán với các phương thức: Phát hành cổ phiếu ra công chúng (IPO); Phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Phát hành trái phiếu doanh nghiệp; Phát hành cho đối tác chiến lược; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn, chia cổ tức, thưởng...;

Tư vấn niêm yết: là dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán trên sàn HOSE, HNX, và tư vấn niêm yết chứng khoán trên sàn Upcom; Tư vấn dự liệu, rà soát hồ sơ, thời điểm, chiến lược.....trước khi niêm yết; Tư vấn quản trị công ty trước và

sau khi niêm yết.

Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Để đáp ứng quy định của Bộ tài chính trong công tác xác định giá trị doanh nghiệp, BSI đã ký hợp đồng liên danh với các công ty thẩm định giá được Bộ tài chính cấp phép xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa hàng năm, các doanh nghiệp này là các doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm, có uy tín và quy mô lớn nhằm mang đến cho khách hàng kết quả thẩm định giá tin cậy, chính xác, đúng quy định của Bộ tài chính trong công tác cổ phần hóa và bàn vốn nhà nước.

Tư vấn mua bán sáp nhập: là nghiệp vụ tư vấn xuyên suốt các quá trình sáp nhập và chia tách, tìm kiếm liên minh chiến lược, tìm kiếm đối tác thoái vốn đầu tư, dịch vụ tư vấn xác định giá trị của giao dịch, thương lượng các điều khoản cho bên mua và bên bán, ích lợi cộng hưởng sau sáp nhập...

Bảo lãnh phát hành chứng khoán: là nghiệp vụ kinh doanh có điều kiện về vốn cao nhất của Công ty chứng khoán, gồm bảo lãnh cam kết chắc chắn, bảo lãnh cố gắng tối đa và bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng cho từng đợt phát hành chứng khoán cụ thể, nhằm đạt được mục tiêu cao nhất trong kế hoạch huy động vốn đã đề ra.

Dịch vụ tư vấn khác: là các dịch vụ tư vấn: Tổ chức đại hội cổ đông; Xây dựng quy trình công bố thông tin; Lập các phương án xử lý khủng hoảng thông tin; Tư vấn xây dựng báo cáo thường niên.....



KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN

Năm 2015, Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp của BSI đã có sự phát triển vượt bậc, đã triển khai thành công hầu hết các hợp đồng cổ phần hóa và thoái vốn như: Công ty TNHH MTV Đăng kiểm xe cơ giới Tây Ninh, Công ty TNHH MTV Cơ khí Tây Ninh, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh, Công ty TNHH MTV Cao su 1-5 Tây Ninh, Công ty TNHH MTV In Bao Bì Khatoco, Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco, Công ty TNHH MTV Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh, Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh, Công ty CP Du lịch Tây Ninh, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh...

Năm 2015 kinh tế VN có những chuyển biến tích cực về kinh tế vĩ mô và kinh tế VN bắt đầu có dấu hiệu khôi phục, thị trường chứng khoán có một năm khởi sắc hơn nhiều so với các năm trước, nhìn chung hoạt động tư vấn tài chính trên thị trường có những phát triển khá tích cực, tỷ lệ đầu giá thành công cao hơn nhiều so với năm 2014.

Trên cơ sở sự hỗ trợ của ban lãnh đạo Công ty cùng với sự nỗ lực của đội ngũ chuyên gia tư vấn, nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp BSI đã có những hình ảnh về hoạt động dịch vụ đa dạng và đã để lại những ấn tượng tốt, tạo được sự tin tưởng ở khách hàng.

Với sự ủng hộ của một số lượng lớn khách hàng đã sử dụng

Dịch vụ tư vấn trước đây do Công ty cung cấp, ngày càng có nhiều khách hàng lớn đã tìm đến sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty và đánh giá cao về tính chuyên nghiệp, năng lực tư vấn của đội ngũ nhân sự tư vấn. Năm 2016 Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp nỗ lực nhiều hơn trong công tác tiếp thị, đào tạo nâng cao và cập nhật nghiệp vụ, xây dựng và thiết lập kỷ luật lao động cao, ngày càng nâng cao tính chuyên nghiệp trong quá trình triển khai nghiệp vụ, rà soát và cập nhật quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ.... Đưa ra những chính sách mới để tiếp cận với khách hàng nhằm đạt được những mục tiêu của Công ty. Với chủ trương và chỉ đạo quyết liệt từ Thủ tướng chính phủ trong công tác cổ phần hóa, hoạt động cổ phần hóa cũng đã và đang diễn ra khẩn trương hơn trong thời gian tới. Nắm bắt được tình hình và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, phòng tư vấn cũng đã có những chiến lược nhằm tiếp cận mảng thị trường tiềm năng này.

Ngoài mối quan hệ chặt chẽ với các địa phương để có thể thực hiện các hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa cho các doanh nghiệp thuộc quản lý của tổ chức này, BSI cũng đã hình thành mối quan hệ hợp tác toàn diện với các Sở tài chính của các Tỉnh thành, các Tổng công ty 90, 91...nhằm nắm bắt, hỗ trợ và triển khai kịp thời các chủ trương, nghiệp vụ về tư vấn cổ phần hóa cho các đối tượng có nhu cầu.

THÀNH TỰU KHÁC

BSI qua 8 năm hoạt động đã ngày một nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm phân tích để cung cấp cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư. Các sản phẩm nghiên cứu, phân tích này cũng được phản hồi khá tích cực và đánh giá cao từ khách hàng.

Các sản phẩm phân tích là công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho hoạt động của phòng môi giới trong việc cung cấp các thông tin quan trọng của thị trường cũng như tình hình cổ phiếu cho các nhà đầu tư.

Việc triển khai thành công các hợp đồng tư vấn có sự góp sức rất lớn từ đội ngũ chuyên gia phân tích, từ việc đánh giá thông tin doanh nghiệp, năng lực hoạt động, tình hình tài chính, tiềm năng phát triển của các công ty cần tư vấn từ đó tiết kiệm được rất nhiều thời gian trong quá trình tư vấn doanh nghiệp.

Hiện nay, BSI cung cấp hầu như đầy đủ các sản phẩm phân tích, hoàn thiện báo cáo phân tích, hỗ trợ thông tin tham vấn tốt nhất cho khách hàng tổ chức cũng như khách cá

nhân. Nhằm mang lại giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh đối với khách hàng khi giao dịch tại BSI.

Bên cạnh đó, BSI liên danh cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư cá nhân trong nước và ngoài nước bao gồm: Thẩm định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, thoái vốn; Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích mua bán, sáp nhập; Định giá cổ phiếu; Định giá thương hiệu; Định giá lợi thế thương mại, tác quyền; Thẩm định định giá bất động sản... Công ty áp dụng các phương pháp định giá tiến tiến trên thế giới, được nhiều quốc gia chấp nhận sử dụng, phù hợp với các thị trường đang phát triển như Việt Nam.

Ngoài ra dịch vụ tư vấn tài chính dự án, BSI thực hiện lập kế hoạch tài chính cho các dự án triển khai, các dự án có nhu cầu huy động vốn và cho các mục đích quản trị tài chính khác; Lập dự báo luồng tiền chi tiết cho mục đích phân tích, định giá doanh nghiệp; Lập dự án đầu tư nhằm phục vụ quá trình đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp...

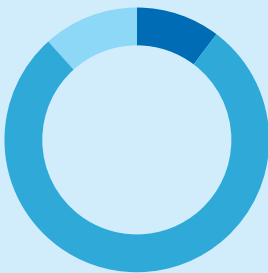




TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

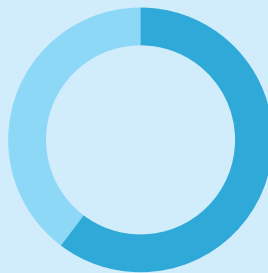
Tính đến cuối năm 2015, BSI có 38 Cán bộ nhân viên đang công tác. Trong đó:

Trình độ



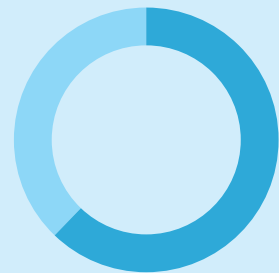
- Trên Đại học: 11% (04 CBNV)
- Đại học: 74% (28 CBNV)
- Dưới Đại học: 16% (06 CBNV)

Giới tính



- Nam: 61% (23 CBNV)
- Nữ: 39% (15 CBNV)

Biên chế lao động



- Không xác định thời hạn: 68 % (26 CBNV)
- Xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm: 32% (12 CBNV)
- Thời vụ: Không có

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

BSI luôn tuân thủ và thực hiện đúng các Quy định chung về chi trả lương, không có bất kỳ phân nân nào liên quan, tất cả CBNV đều được tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lương tháng 13, thưởng vào các ngày Lễ lớn trong năm (30/4, 1/5, 2/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán) bằng tiền hoặc hiện vật cụ thể. Ngoài ra, BSI còn hỗ trợ CBNV về các chế độ như trợ cấp bữa ăn giữa ca, đồng phục hàng năm, tham quan du lịch nghỉ mát, tổ chức sinh nhật và các buổi giao lưu tập thể, tổ chức thăm hỏi đối với các sự kiện liên quan đến cá nhân, gia đình của CBNV cùng một số ưu đãi nội bộ khác.

BSI luôn xác định con người là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì thế luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực thông qua chương trình xây dựng hệ thống đánh giá và chuẩn hóa năng lực, kết hợp với việc đánh giá hiệu quả công việc để có chế độ bồi dưỡng, phát triển cá nhân, khen thưởng nhằm động viên khích lệ CBNV kịp thời.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2016



MỤC TIÊU

Công ty sẽ vẫn kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.

ĐỊNH HƯỚNG

Tình hình TTCK năm 2016 được dự báo sẽ tích cực hơn với những yếu tố được dự báo là thuận lợi của nền kinh tế thế giới và những điểm sáng của kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, TTCK tiếp tục phải đối diện với những trở ngại còn tồn tại và rủi ro tiềm ẩn. Đặc biệt là tình trạng dễ tổn thương của hệ thống tài chính – ngân hàng vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Để đạt mục tiêu, BSI tiếp tục tạo cơ hội phát triển cho nhân sự công ty, hướng đến xây dựng đội ngũ CBNV trình độ, chuyên nghiệp, thân thiện, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao.

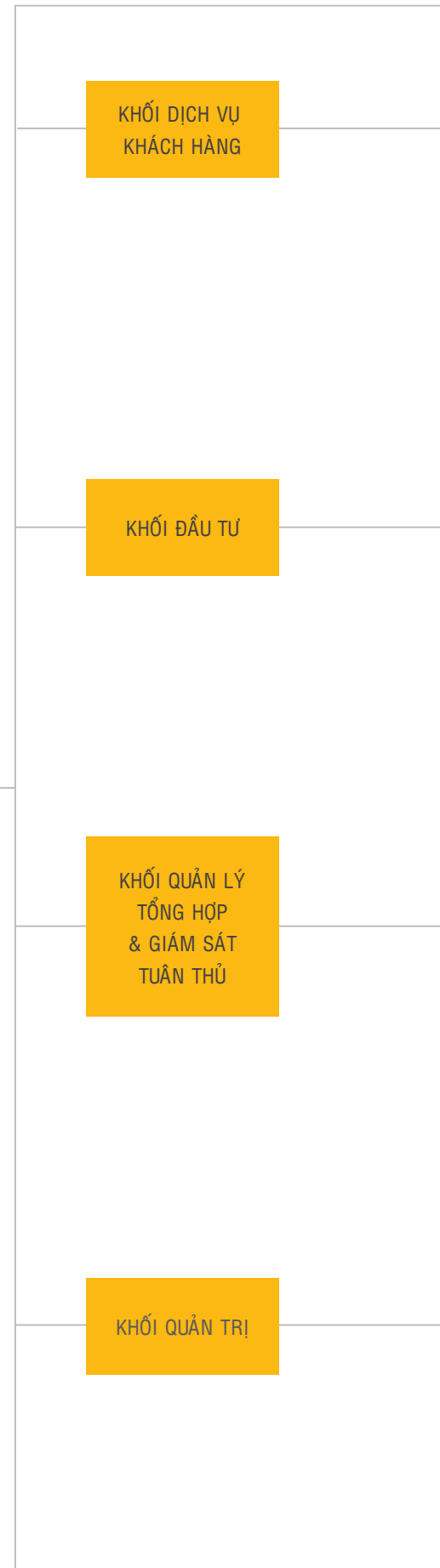
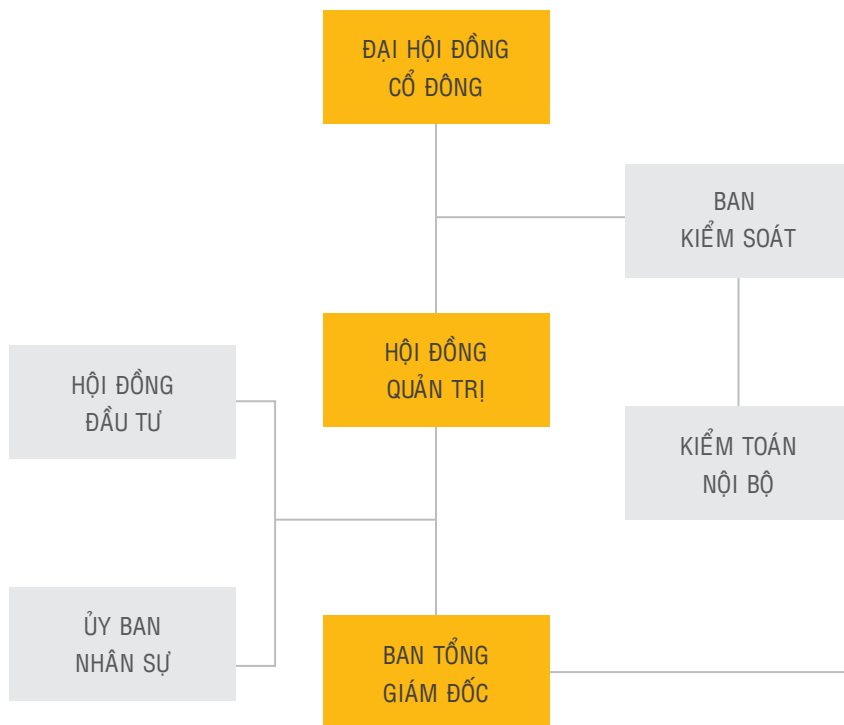
Năm 2016, BSI tập trung nhằm phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch trước hai tháng. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra; nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH 2016

| STT | CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN 2015 | KẾ HOẠCH NĂM 2016 |
|-----|-----------|----------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu | 65.552.464.529 | 72.500.000.000 |
| 2 | Chi phí | 56.954.635.918 | 62.850.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận | 8.597.828.611 | 9.650.000.000 |

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Bộ máy tổ chức của BSI bao gồm Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện.

Tổ chức bộ máy được cấu trúc làm 4 khối: Dịch vụ khách hàng, Đầu tư, Quản lý tổng hợp & Giám sát tuần thủ, Quản trị.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN CỰU
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cựu tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và Cử nhân Luật.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà là thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.



ÔNG HUỖNH VĂN TỐT
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN
Trưởng ban



ÔNG TÔN THẤT LÂM KHÁNH
Thành viên



BÀ NGUYỄN THỊ HẢI
Thành viên

Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các Cổ đông của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động công ty theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty cũng như thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ để ra hàng năm. Đồng thời Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của vủa HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của BSI.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG HUỖNH VĂN TỐT
Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính – ngân hàng lớn tại Việt Nam. Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp MBA và Cử nhân tài chính Hoa Kỳ, là người am hiểu sâu sắc và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang là Phó Tổng Giám Đốc của BSI từ năm 2011.



BÀ TRẦN THỊ BÔNG
Phó Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Bông là Nhân sự thuộc thế hệ đầu tiên của BSI từ năm 2007. Bà có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Bên cạnh đó, bà còn là thành viên tích cực của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 11/2012.



ÔNG NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Trường có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Tài chính, trước khi gia nhập BSI, ông đã từng giữ nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức tài chính. Ông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 07/2015.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|--------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Văn Cựu | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Minh Quang | Phó chủ tịch |
| Ông Huỳnh Văn Tốt | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Văn Thiên | Trưởng ban |
| Ông Tôn Thất Lâm Khánh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Hải | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | | |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Huỳnh Văn Tốt | Tổng Giám đốc | |
| Bà Trần Thị Băng | Phó Tổng Giám đốc | |
| Bà Nguyễn Thị Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Hữu Trường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2015 |

Phòng Kiểm soát nội bộ

| | |
|-----------------|--------------|
| Ông Lê Quang Sỹ | Trưởng phòng |
|-----------------|--------------|

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN CỰU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016



HUYỀN VĂN TỐT

Tổng Giám đốc

Số: 36 /2016/UHYACAHCM - BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016 trình bày từ trang 06 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Đến thời điểm lập báo cáo kiểm toán, số dư đầu tư dài hạn khác (Mã số 258) với số tiền là 20.315.625.000 đồng trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ với các bên có liên quan. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục đầu tư này cũng như những ảnh hưởng có liên quan đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số tiền 37.315.625.000 đồng. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc cao hơn mệnh giá số tiền 12.796.875.000 đồng chưa được đánh giá trích lập dự phòng giảm giá. Tại ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các thông tin

so sánh cần thiết và Báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư liên quan đến khoản đầu tư dài hạn với số tiền 37.315.625.000 đồng. Do đó, chúng tôi không có đầy đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của việc chưa xem xét trích lập dự phòng của các khoản mục đầu tư dài hạn cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Đồng thời chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đánh giá về hạn mức đầu tư theo quy định hiện hành.

HẠN CHẾ DO VẤN ĐỀ VỀ TUÂN THỦ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Tại 31/12/2015, giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu niêm yết mã STB là 52.062.688.361 đồng, giá trị ủy thác đầu tư cho các cá nhân với tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết mã STB số tiền là 148.200.000.000 đồng. Theo đó, tổng giá trị các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 148.200.000.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản Công ty tự đầu tư số tiền 8.059.932.461 đồng, tổng giá trị đầu tư thuần số tiền 192.202.755.900 đồng, chiếm 50,49% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2015. Bên cạnh đó, Công ty có doanh thu phát sinh trong năm liên quan đến hoạt động ủy thác đầu tư là 15.689.443.096 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán ("Thông tư 210"), các hoạt động ủy thác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



PHAN THANH ĐIỀN

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016



Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 334.058.697.546 | 365.699.073.644 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 16.136.605.714 | 44.887.786.511 |
| Tiền | 111 | | 16.136.605.714 | 44.887.786.511 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 100.682.933.600 | 56.295.456.975 |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 | 5.3 | 112.521.167.629 | 65.905.781.794 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | 5.1 | (11.838.234.029) | (9.610.324.819) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 6 | 205.531.193.741 | 263.071.256.222 |
| Phải thu của khách hàng | 131 | | 187.750.000 | 286.000.000 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 10.276.180.000 | 2.202.164.000 |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 135 | 6.1 | 46.755.147.074 | 70.100.186.220 |
| Các khoản phải thu khác | 138 | | 176.860.042.717 | 215.655.507.002 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 6.2 | (28.547.926.050) | (25.172.601.000) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 11.707.964.491 | 1.444.573.936 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 180.599.688 | 253.339.133 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 11.527.364.803 | 1.191.234.803 |

| | | | | |
|--|------------|-----------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 93.958.184.291 | 127.871.029.986 |
| Tài sản cố định | 220 | | 5.936.238.823 | 3.080.457.966 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 1.599.762.991 | 2.568.851.970 |
| - Nguyên giá | 222 | | 18.379.151.117 | 18.379.151.117 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (16.779.388.126) | (15.810.299.147) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 4.336.475.832 | 511.605.996 |
| - Nguyên giá | 228 | | 9.196.320.821 | 4.734.660.821 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.859.844.989) | (4.223.054.825) |
| Bất động sản đầu tư | 240 | 11 | - | 1.464.507.500 |
| - Nguyên giá | 241 | | - | 3.514.818.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | (2.050.310.500) |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 79.556.384.701 | 114.610.087.321 |
| Đầu tư chứng khoán dài hạn | 253 | 5.3 | 5.821.000.000 | 11.519.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | 5.4 | 74.455.125.000 | 103.455.125.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | 5.1 | (719.740.229) | (364.037.679) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 8.465.560.767 | 8.715.977.199 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 468.025.965 | 852.540.157 |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | 7 | 3.197.534.802 | 3.013.437.042 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | 8 | 4.800.000.000 | 4.850.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 428.016.881.837 | 493.570.103.630 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 47.378.669.127 | 121.529.719.531 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 47.378.669.127 | 121.529.719.531 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 12 | 36.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Phải trả người bán | 312 | | 986.494.000 | 83.160.388 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | | 236.750.000 | 21.553.500.000 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 13 | 97.065.460 | 106.567.144 |
| Phải trả người lao động | 315 | | 416.625.000 | 431.675.000 |
| Chi phí phải trả | 316 | 14 | 65.300.000 | 58.972.222 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 15 | 7.111.199.028 | 4.071.724.184 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 320 | 16 | 2.211.270.249 | 14.799.446.043 |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 321 | | 4.443.500 | 22.800 |
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | 322 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 249.521.890 | 424.651.750 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 328 | | - | - |

| | | | | |
|-----------------------------------|------------|-----------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 380.638.212.710 | 372.040.384.099 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 380.638.212.710 | 372.040.384.099 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1.786.350.257 | 1.786.350.257 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 657.921.000 | 657.921.000 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (21.806.058.547) | (30.403.887.158) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 428.016.881.837 | 493.570.103.630 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| CHỈ TIÊU | Mã số | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|---|------------|--------------------------|--------------------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý | 004 | 1.037.935.347 | 1.037.935.347 |
| Chứng khoán lưu ký | 006 | 3.057.295.540.000 | 1.251.918.250.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Chứng khoán giao dịch | 007 | 1.185.488.060.000 | 591.530.820.000 |
| Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 008 | 38.413.450.000 | 5.430.000 |
| Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 009 | 1.145.844.120.000 | 590.426.960.000 |
| Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 010 | 1.230.490.000 | 1.098.430.000 |
| Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 012 | 100.000.000 | 201.160.000 |
| Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 014 | 100.000.000 | 201.160.000 |
| Chứng khoán cầm cố | 017 | 1.268.421.880.000 | 562.876.530.000 |
| Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký | 018 | 14.753.810.000 | 27.408.940.000 |
| Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 019 | 1.253.668.070.000 | 535.467.590.000 |
| Chứng khoán tạm giữ | 022 | 434.468.970.000 | - |
| Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước | 024 | 434.468.970.000 | - |
| Chứng khoán chờ thanh toán | 027 | 1.331.800.000 | 5.127.390.000 |
| Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký | 028 | - | 4.203.990.000 |
| Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 029 | 1.331.800.000 | 923.400.000 |

| | | | |
|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| Chứng khoán phong toả chờ rút | 032 | - | - |
| Chứng khoán chờ giao dịch | 037 | 70.674.690.000 | 137.370.000 |
| Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký | 038 | 2.118.280.000 | - |
| Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 039 | 68.544.160.000 | 137.370.000 |
| Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài | 040 | 12.250.000 | - |
| Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay | 042 | 96.805.140.000 | 92.044.980.000 |
| Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước | 044 | 96.805.140.000 | 92.044.980.000 |
| Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết | 050 | 15.042.440.000 | 14.685.620.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Chứng khoán giao dịch | 051 | 14.960.680.000 | 14.685.620.000 |
| Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 052 | 90.000 | 40.000 |
| Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 053 | 14.960.590.000 | 14.685.580.000 |
| Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 056 | 81.760.000 | - |
| Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 058 | 81.760.000 | - |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | NĂM 2015 VND | NĂM 2014 VND |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| Doanh thu | 01 | 18 | 63.652.462.389 | 26.815.669.075 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 6.550.494.174 | 3.870.983.569 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 01.2 | | 4.640.836.872 | 1.956.362.749 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | 2.071.804.320 | 317.542.792 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 01.6 | | 829.597.825 | 341.761.994 |
| Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá | 01.8 | | 27.272.727 | - |
| Doanh thu khác | 01.9 | | 49.532.456.471 | 20.329.017.971 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 10 | | 63.652.462.389 | 26.815.669.075 |
| Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư | 14 | | 63.652.462.389 | 26.815.669.075 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán | 11 | 19 | 40.570.915.972 | 25.816.456.928 |
| Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | 20 | | 23.081.546.417 | 999.212.147 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 20 | 15.005.428.330 | 14.767.511.993 |
| (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 8.076.118.087 | (13.768.299.846) |
| Thu nhập khác | 31 | 21 | 1.900.002.140 | 585.606.716 |
| Chi phí khác | 32 | 22 | 1.378.291.616 | 771.348.977 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 521.710.524 | (185.742.261) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 8.597.828.611 | (13.954.042.107) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 23 | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 8.597.828.611 | (13.954.042.107) |
| (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 215 | (349) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | NĂM 2015 VND | NĂM 2014 VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 8.597.828.611 | (13.954.042.107) |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao TSCĐ | 02 | | 1.693.749.593 | 2.333.708.437 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 5.958.936.880 | (6.867.029.111) |
| Lãi hoạt động đầu tư | 05 | | (22.079.305.592) | (1.968.111.759) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 5.328.744.201 | 26.375.797.488 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (500.046.307) | 5.920.322.948 |
| Tăng các khoản phải thu | 09 | | 43.505.626.338 | 318.695.341.460 |
| (Giảm)/Tăng các khoản phải trả | 11 | | (33.034.374.182) | 29.237.920.560 |
| (Giảm)/Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 457.253.637 | (654.015.109) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (5.322.416.423) | (26.375.797.488) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | - | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 50.000.000 | 13.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | (1.802.750.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 5.156.043.063 | 325.034.022.371 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | | (1.584.664.000) | (1.188.604.118) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | | 2.151.000.000 | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (31.000.000.000) | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (99.840.002.000) | (36.745.522.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 118.922.616.165 | 72.975.617.204 |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 21.443.825.975 | 2.207.362.749 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 10.092.776.140 | 37.248.853.835 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 114.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (158.000.000.000) | (436.561.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (44.000.000.000) | (356.561.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (28.751.180.797) | 5.721.876.206 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 44.887.786.511 | 39.165.910.305 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 16.136.605.714 | 44.887.786.511 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

TIỀN

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 663.589.418 | 552.304.220 |
| Tiền gửi ngân hàng | 15.473.016.296 | 44.335.482.291 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Tiền gửi ngân hàng của Công ty | 9.871.937.377 | 41.760.327.079 |
| - Tiền ký quỹ của nhà đầu tư | 5.601.078.919 | 2.575.155.212 |
| CỘNG | 16.136.605.714 | 44.887.786.511 |

GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

| CHỈ TIÊU | Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP | Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND |
|--|---|--|
| Các giao dịch của công ty chứng khoán | 9.373.081 | 134.124.999.300 |
| Cổ phiếu | 9.373.081 | 134.124.999.300 |
| Các giao dịch của nhà đầu tư | 326.087.924 | 4.290.910.900.700 |
| Cổ phiếu | 326.087.924 | 4.290.910.900.700 |
| CỘNG | 335.461.005 | 4.425.035.900.000 |

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 100.682.933.600 | 56.295.456.975 |
| Chứng khoán thương mại (5.3) | 81.521.167.629 | 65.905.781.794 |
| - Chứng khoán niêm yết | 81.520.308.363 | 65.905.730.994 |
| - Chứng khoán chưa niêm yết | 859.266 | 50.800 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn khác | 31.000.000.000 | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Kiên Long (5.3) | 31.000.000.000 | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1) | (11.838.234.029) | (9.610.324.819) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 79.556.384.701 | 114.610.087.321 |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3) | 5.821.000.000 | 11.519.000.000 |
| - Chứng chỉ quỹ | 5.821.000.000 | 11.519.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác (5.4) | 74.455.125.000 | 103.455.125.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1) | (719.740.299) | (364.037.679) |
| CỘNG | 180.239.318.301 | 170.905.544.296 |

CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|---|-------------------------|------------------------|
| Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết | (11.838.234.029) | (9.610.324.819) |
| Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn | (719.740.299) | (364.037.679) |
| CỘNG | (12.557.974.328) | (9.974.362.498) |

TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Tạm ứng | 11.527.364.803 | 1.191.234.803 |
| CỘNG | 11.527.364.803 | 1.191.234.803 |

TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền nộp ban đầu | 124.212.275 | 124.212.275 |
| Tiền nộp bổ sung | 2.255.680.520 | 2.250.397.707 |
| Tiền lãi phân bổ | 817.642.007 | 638.827.060 |
| CỘNG | 3.197.534.802 | 3.013.437.042 |

TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 4.800.000.000 | 4.850.000.000 |
| CỘNG | 4.800.000.000 | 4.850.000.000 |

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 468.025.965 | 852.540.157 |
| CỘNG | 468.025.965 | 852.540.157 |

VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | Tại 01/01/2015 VND | SỐ VAY TRONG NĂM VND | SỐ ĐÃ TRẢ TRONG NĂM VND | Tại 31/12/2015 VND |
|--|-----------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn | 80.000.000.000 | 114.000.000.000 | 158.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng | 80.000.000.000 | 114.000.000.000 | 158.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (*) | 80.000.000.000 | 89.000.000.000 | 133.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Việt Nam | - | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | - | - |
| CỘNG | 80.000.000.000 | 114.000.000.000 | 158.000.000.000 | 36.000.000.000 |

Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng số 0004/06914/02. HĐHMTD ký ngày 26/12/2014 với tổng hạn mức là 80.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay theo hợp đồng là 12 tháng từ ngày 26/12/2014 đến 26/12/2015. Lãi suất vay và thời hạn được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu STB (xem chi tiết tại thuyết minh số 24).

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT | 69.457.747 | 10.144.967 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 27.607.713 | 96.422.177 |
| CỘNG | 97.065.460 | 106.567.144 |

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trích trước chi phí lãi vay | 65.300.000 | 58.972.222 |
| CỘNG | 65.300.000 | 58.972.222 |

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 35.286.212 | 30.168.972 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.474.833.897 | 1.466.400.000 |
| Phải trả cổ tức công ty BETA | 1.466.400.000 | 1.466.400.000 |
| Khác | 8.433.897 | - |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 5.601.078.919 | 2.575.155.212 |
| CỘNG | 7.111.199.028 | 4.071.724.184 |

PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu phí bán của khách hàng | 1.914.033 | 9.702.878 |
| Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán | 1.098.054.108 | 4.846.892.322 |
| Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ | 45.655.178.933 | 65.243.591.020 |
| CỘNG | 46.755.147.074 | 70.100.186.220 |

THUYẾT MINH CHI TIẾT TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm | (25.172.601.000) | (25.529.782.572) |
| Số sử dụng trong năm | - | 1.037.935.347 |
| Số hoàn nhập/(trích lập) trong năm | (3.375.325.050) | (680.753.775) |
| Số dư cuối kỳ | (28.547.926.050) | (25.172.601.000) |

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

| | Tại 31/12/2015 VND | Tại 01/01/2015 VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán | 10.521.480 | 62.263.514 |
| Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán | 127.350.769 | 54.438.829 |
| Phải trả tổ chức, cá nhân khác | 2.073.398.000 | 14.682.743.700 |
| CỘNG | 2.211.270.249 | 14.799.446.043 |

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**CHỈ TIÊU**

Tại 01/01/2015

| | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đòi | Tăng |
|---|------------------------|-------------------|-----------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| 1. Phải thu của khách hàng | 286.000.000 | - | - | 1.496.750.000 |
| 2. Trả trước cho người bán | 2.202.164.000 | - | - | 33.223.654.140 |
| 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 70.100.186.220 | - | - | 1.585.586.908.404 |
| - <i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i> | <i>70.100.186.220</i> | - | - | <i>1.585.586.908.404</i> |
| 4. Phải thu khác | 215.655.507.002 | - | 28.547.926.050 | 116.676.667 |
| - <i>HĐ HTĐT chứng khoán niêm yết</i> | <i>12.936.580.500</i> | - | <i>12.936.580.500</i> | - |
| - <i>HĐ HTĐT CK chưa niêm yết</i> | - | - | - | - |
| - <i>HĐ ủy thác đầu tư (1)</i> | <i>187.026.536.494</i> | - | - | - |
| - <i>Phải thu khác của nhà đầu tư (2)</i> | <i>15.611.345.550</i> | - | <i>15.611.345.550</i> | - |
| - <i>Phải thu khác</i> | <i>81.044.458</i> | - | - | <i>116.676.667</i> |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (25.172.601.000) | - | - | (3.375.325.050) |
| CỘNG | 263.071.256.222 | - | 28.547.926.050 | 1.617.048.664.161 |

SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM

Tại 31/12/2015

| Giảm | Tổng số | Số quá hạn | Số xử lý xóa nợ khó đòi | Số khó đòi | Số dự phòng đã lập |
|--------------------------|------------------------|------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| 1.595.000.000 | 187.750.000 | - | - | - | - |
| 25.149.638.140 | 10.276.180.000 | - | - | - | - |
| 1.608.931.947.550 | 46.755.147.074 | - | - | - | - |
| <i>1.608.931.947.550</i> | <i>46.755.147.074</i> | - | - | - | - |
| 38.912.140.952 | 176.860.042.717 | - | 1.037.935.347 | 28.547.926.050 | 28.547.926.050 |
| - | 12.936.580.500 | - | 1.037.935.347 | 12.936.580.500 | 12.936.580.500 |
| - | - | - | - | - | - |
| 38.826.536.494 | 148.200.000.000 | - | - | - | - |
| - | 15.611.345.550 | - | - | 15.611.345.550 | 15.611.345.550 |
| 85.604.458 | 112.116.667 | - | - | - | - |
| - | (28.547.926.050) | - | - | - | - |
| 1.674.588.726.642 | 205.531.193.741 | - | 1.037.935.347 | 28.547.926.050 | 28.547.926.050 |

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

| CHỈ TIÊU | SỐ LƯỢNG | GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN | | GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH | | TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG | | GHI CHÚ |
|---------------------------|------------------|------------------------------|------------------------|-------------------------------|------------------|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | | TĂNG | | GIẢM | | | | |
| | | Tại 31/12/2015 | Tại 01/01/2015 | Tại 31/12/2015 | Tại 01/01/2015 | Tại 31/12/2015 | Tại 01/01/2015 | |
| | | VND | VND | VND | VND | VND | VND | |
| | CP | | | | | | | |
| III. Chứng khoán đầu tư | 58.21 | 115.19 | 115.19 | - | - | - | 5.821.000.000 | 111.519.000.000 |
| 1. Chứng khoán sẵn để bán | 58.21 | 115.19 | 115.19 | - | - | - | 5.821.000.000 | 11.519.000.000 |
| Chứng chỉ quỹ | 58.21 | 115.19 | 115.19 | - | - | - | 5.821.000.000 | 11.519.000.000 |
| - Quỹ đầu tư | 58.21 | 115.19 | 115.19 | - | - | - | 5.821.000.000 | 11.519.000.000 |
| Chứng khoán Y tế Bản Việt | | | | | | | | |
| Cộng | 5.528.621 | 3.161.955 | 118.342.167.629 | 2.057.000 | 2.375.224 | (9.610.324.819) | 106.505.990.600 | 60.865.015.500 |

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| CHỈ TIÊU | SỐ LƯỢNG | | GIÁ TRỊ GHI SỔ | | GHI CHÚ |
|---|------------------|------------------|-----------------------|------------------------|------------|
| | Tại | Tại | Tại | Tại | |
| | 31/12/2015 | 01/01/2015 | 31/12/2015 | 01/01/2015 | |
| | CP | CP | VND | VND | |
| Đầu tư dài hạn khác | 3.494.125 | 7.794.125 | 74.455.125.000 | 103.455.125.000 | (*) |
| Công ty CP Nhà An Phú (APH) | 316.250 | 316.250 | 8.287.500.000 | 8.287.500.000 | |
| Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà | 100.000 | 100.000 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | |
| Công ty CP Thời Trang Việt | 151.875 | 151.875 | 5.315.625.000 | 5.315.625.000 | |
| Công ty CP Liên Minh | 1.000.000 | 1.000.000 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 | |
| Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc | 1.200.000 | 1.200.000 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 | |
| Công ty CP TMDV Đô Thành Tín | - | 5.000.000 | - | 50.000.000.000 | |
| Công ty CP dịch vụ Điện tử Việt | 26.000 | 26.000 | 7.852.000.000 | 7.852.000.000 | |
| Công ty CP Du lịch Tiến Lợi | 700.000 | - | 21.000.000.000 | - | |
| CỘNG | 3.494.125 | 7.794.125 | 74.455.125.000 | 103.455.125.000 | |

(*) Các khoản đầu tư dài hạn này chưa được đánh giá giá trị để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2015

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | SỐ DƯ ĐẦU KỲ | | SỐ TĂNG, GIẢM | | | | SỐ DƯ CUỐI KỲ | |
|-----------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|---------------|-----------------------|----------------------|----------|------------------------|------------------------|
| | | Tại 01/01/2014 | Tại 01/01/2015 | NĂM 2014 | | NĂM 2015 | | Tại 31/12/2014 | Tại 31/12/2015 |
| | | VND | VND | TĂNG VND | GIẢM VND | TĂNG VND | GIẢM VND | VND | VND |
| Vốn chủ sở hữu | | | | | | | | | |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 17.1 | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 | - | - | - | - | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | | 1.786.350.257 | 1.786.350.257 | - | - | - | - | 1.786.350.257 | 1.786.350.257 |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 657.921.000 | - | - | 657.921.000 | - | - | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 657.921.000 | 657.921.000 | - | - | - | - | 657.921.000 | 657.921.000 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 17.2 | (16.447.095.051) | (30.403.887.158) | - | 13.956.792.107 | 8.597.828.611 | - | (30.403.887.158) | (21.806.058.547) |
| CỘNG | | 386.655.097.206 | 372.040.384.099 | - | 14.614.713.107 | 8.597.828.611 | - | 372.040.384.099 | 380.638.212.710 |

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

| | Năm 2015 Số tăng/(giảm) VND | Năm 2014 Số tăng/(giảm) VND |
|--|---|---|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - |
| - Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính | - | - |
| - Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | - | - |
| - Trích quỹ khen thưởng | - | - |
| - Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế tăng trong năm | 8.597.828.611 | (13.954.042.107) |
| CỘNG | 8.597.828.611 | (13.954.042.107) |

VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | THEO ĐĂNG KÝ KINH DOANH | | Tại 31/12/2015 |
|--------------------------|----------------------------------|-------------------|-------------------------------|
| | SỐ VỐN CAM KẾT GÓP VND | TỶ LỆ % | SỐ VỐN THỰC GÓP VND |
| Ông Nguyễn Văn Cựu | 92.126.050.000 | 23.03 | 92.126.050.000 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ | 73.843.300.000 | 18.46 | 73.843.300.000 |
| Ông Nguyễn Hữu Đức | 45.000.000.000 | 11.25 | 45.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Quang | 36.850.000.000 | 9.21 | 36.850.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Nam Á | 44.000.000.000 | 11.00 | 44.000.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn Thọ | 30.000.000.000 | 7.50 | 30.000.000.000 |
| Bà Phan Thị Yên Hà | 25.925.000.000 | 6.48 | 25.925.000.000 |
| Các cổ đông khác | 52.255.650.000 | 13.06 | 52.255.650.000 |
| CỘNG | 400.000.000.000 | 100 | 400.000.000.000 |

DOANH THU

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 6.550.494.174 | 3.870.983.569 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 4.640.836.872 | 1.956.362.749 |
| - Cổ tức nhận được | 643.549.700 | 406.058 |
| - Chênh lệch lãi bán khoán đầu tư chứng khoán, góp vốn | 3.997.287.172 | 1.955.956.691 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 829.597.825 | 341.761.994 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 2.071.804.320 | 317.542.792 |
| Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá | 27.272.727 | - |
| Doanh thu khác (*) | 49.532.456.471 | 20.329.017.971 |
| CỘNG | 63.652.462.389 | 26.815.669.075 |

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|------------------------------|-----------------|-----------------|
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| CỘNG | - | - |

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí môi giới chứng khoán | 3.297.020.796 | 920.698.214 |
| Phí Lưu ký chứng khoán | 1.221.972.979 | 662.217.590 |
| Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn | 3.323.998.337 | 1.246.493.895 |
| Chi phí trả lãi tiền vay | 5.328.744.201 | 26.434.769.710 |
| Chi phí dự phòng | 2.583.611.830 | (7.547.782.886) |
| Chi phí tư vấn, môi giới | 383.620.000 | 58.439.600 |
| Chi phí khác (*) | 24.431.947.829 | 4.041.620.805 |
| CỘNG | 40.570.915.972 | 25.816.456.928 |

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.798.508.602 | 4.822.099.017 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 86.360.250 | 139.196.430 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 488.341.452 | 508.771.922 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1,605.879.143 | 1.982.226.637 |
| Thuế phí, lệ phí | 4.988.000 | 4.800.000 |
| Chi phí dự phòng | 3.375.325.050 | 680.753.775 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.900.780.884 | 4.508.864.777 |
| Chi phí bằng tiền khác | 745.244.949 | 2.120.799.435 |
| CỘNG | 15.005.428.330 | 14.767.511.993 |

THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|------------------------------|----------------------|--------------------|
| Thu từ thanh lý TSCĐ | - | 251.000.000 |
| Thu nhập từ nhượng bán BĐSĐT | 1.900.000.000 | - |
| Thu nhập khác | 2.140 | 334.606.716 |
| CỘNG | 1.900.002.140 | 585.606.716 |

CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | - | 238.885.990 |
| Chi phí từ nhượng bán BĐSĐT | 1.376.637.050 | - |
| Phạt vi phạm hành chính | 1.654.566 | 532.462.986 |
| Chi phí khác | - | 1 |
| CỘNG | 1.378.291.616 | 771.348.977 |

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|-----------------------|-------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 8.597.828.611 | (13.954.042.107) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | 2.186.643.066 | 31.727.488.922 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng (*) | 4.982.672.766 | 31.727.894.980 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (2.796.029.700) | (406.058) |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 10.784.471.677 | 17.773.446.815 |
| Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 11,036.951.677 | 17.773.446.815 |
| Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS | (252.480.000) | - |
| Chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (*) | (10.784.471.677) | (29.684.492.405) |
| Tổng thu nhập tính thuế | - | (11.911.045.590) |
| Thuế suất thuế TNDN | 22% | 22% |
| Thuế TNDN phải nộp trong kỳ | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC | MÁY MÓC THIẾT BỊ | PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN | TSCĐ KHÁC | CỘNG |
|------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại 01/01/2015 | 5.814.034.824 | 4.535.854.203 | 2.632.562.877 | 5.396.699.213 | 18.379.151.117 |
| Mua trong năm | - | - | - | - | - |
| Tại 31/12/2015 | 5.814.034.824 | 4.535.854.203 | 2.632.562.877 | 5.396.699.213 | 18.379.151.117 |
| HAO MÒN LUỸ KẾ | | | | | |
| Tại 01/01/2015 | (3.899.403.953) | (4.525.951.145) | (2.163.421.944) | (5.221.522.105) | (15.810.299.147) |
| Trích KH trong năm | (584.745.239) | (9.903.058) | (257.655.940) | (116.784.742) | (969.088.979) |
| Tại 31/12/2015 | (4.484.149.192) | (4.535.854.203) | (2.421.077.884) | (5.338.306.847) | (16.779.388.126) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2015 | 1.914.630.871 | 9.903.058 | 469.140.933 | 175.177.108 | 2.568.851.970 |
| Tại 31/12/2015 | 1.329.885.632 | - | 211.484.993 | 58.392.366 | 1.599.762.991 |

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | PHẦN MỀM MÁY TÍNH VND | WEBSITE CÔNG TY VND | TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC VND | CỘNG VND |
|-------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại 01/01/2015 | 4.318.308.840 | 168.955.500 | 247.396.481 | 4.734.660.821 |
| Mua trong năm | 4.461.660.000 | - | - | 4.461.660.000 |
| Tại 31/12/2015 | 8.779.968.840 | 168.955.500 | 247.396.481 | 9.196.320.821 |
| HAO MÒN LUYỄN KẾ | | | | |
| Tại 01/01/2015 | (3.806.702.844) | (168.955.500) | (247.396.481) | (4.223.054.825) |
| Trích KH trong năm | (636.790.164) | - | - | (636.790.164) |
| Tại 31/12/2015 | (4.443.493.008) | (168.955.500) | (247.396.481) | (4.859.844.989) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại 01/01/2015 | 511.605.996 | - | - | 511.605.996 |
| Tại 31/12/2015 | 4.336.475.832 | - | - | 4.336.475.832 |

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ | CỘNG |
|------------------------|--------------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| <hr/> | | |
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại 01/01/2015 | 3.514.818.000 | 3.514.818.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | (3.514.818.000) | (3.514.818.000) |
| Tại 31/12/2015 | - | - |
| <hr/> | | |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại 01/01/2015 | (2.050.310.500) | (2.050.310.500) |
| Trích KH trong năm | (87.870.450) | (87.870.450) |
| Thanh lý, nhượng bán | 2.138.180.950 | 2.138.180.950 |
| Tại 31/12/2015 | - | - |
| <hr/> | | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại 01/01/2015 | 1.464.507.500 | 1.464.507.500 |
| Tại 31/12/2015 | - | - |
| <hr/> | | |

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2014 VND |
|-----------------------------------|---|---|---|
| Bà Nguyễn Thị Minh Quang | Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT Ban Giám đốc | Giá trị giao dịch bán chứng khoán Nhận trước tiền đặt cọc chuyển nhượng cổ phiếu Tạm ứng Hoàn ứng | 714.596.000 10.000.000.000 30.901.293.803 19.740.876.000 |
| Ông Huỳnh Văn Tốt | Tổng Giám đốc | Tạm ứng Hoàn ứng | 2.761.500.000 3.428.584.803 |
| Bà Trần Thị Bông | Phó Tổng Giám đốc | Tạm ứng Hoàn ứng | 70.000.000 70.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Bản Việt | Giao dịch lớn | Chi phí lãi vay Trả nợ vay Nhận tiền vay | 5.068.569.443 133.000.000.000 89.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt | Giao dịch lớn | Chi phí liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu Nhận tiền đặt cọc Chuyển tiền đặt cọc | 21.170.799.073 600.000.000.000 600.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Him Lam | Giao dịch lớn | Doanh thu liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu Chuyển tiền đặt cọc Nhận tiền đặt cọc | 17.107.367.717 427.092.372.000 427.092.372.000 |

| | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2014 VND |
|--|-----------------------------|---|-------------------------|
| Công ty TNHH Bất Động Sản Việt Phú An | Giao dịch lớn | Doanh thu liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu | 6.119.153.605 |
| | | Chuyển tiền đặt cọc | 155.699.028.000 |
| | | Nhận tiền đặt cọc | 155.699.028.000 |
| Công ty CP Him Lam Thủ Đô | Giao dịch lớn | Doanh thu liên quan đến Hợp đồng dịch vụ môi giới thu gom trái phiếu | 677.491.528 |
| | | Chuyển tiền đặt cọc | 17.208.600.000 |
| | | Nhận tiền đặt cọc | 17.208.600.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hải | Thành viên Ban kiểm soát | Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư | 1.466.816.994 |
| | | Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 5.000.000.000 |
| | | Giá trị giao dịch bán chứng khoán | 1.482.000.000 |
| Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên | Giao dịch lớn | Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 5.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Yến | Giao dịch lớn | Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư | 25.300.000.000 |
| | | Doanh thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 5.689.443.096 |

SỐ DƯ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung | Tại 31/12/2015 | |
|---------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
| | | | Khoản phải thu VND | Khoản phải trả VND |
| Ngân hàng TMCP Bản Việt | Giao dịch lớn | Số dư vay ngắn hạn | - | 36.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hải | Thành viên Ban kiểm soát | Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 32.300.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Minh Quang | Phó chủ tịch HĐQT | Tạm ứng Ứng trước | 11.510.417.803 10.000.000.000 | - - |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương | Giao dịch lớn | Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 40.000.000.000 | - |
| Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên | Giao dịch lớn | Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 45.900.000.000 | - |
| Bà Đỗ Thị Hồng | Giao dịch lớn | Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư | 30.000.000.000 | - |

THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị | - | 70.740.575 |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc | 1.471.282.692 | 1.098.854.769 |
| Ban kiểm soát | - | - |
| CỘNG | 1.471.282.692 | 1.169.595.344 |

Hội sở

Tầng 4 & 5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: support@bsi.com.vn

Văn phòng đại diện Nha Trang

34 Thống Nhất, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3822 120

Fax: (058) 3825 440

Email: support@bsi.com.vn